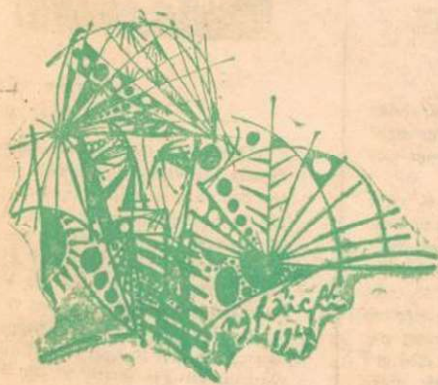


năm thứ hai • tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • 20đ

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

Wason
P24380
A1 K4574



TƯƠNG LINH

NHỮNG
NGÀY
RỘNG

TÚ KẾU



NỮ SĨ, ĐÍT CÔ ĐÀU,
RÂU TU XUẤT

(Nữ sĩ Hoàng Hương Trang viết: ông Phạm viết
Tuyền và ở Thanh Lăng một nhân như đít cô đầu, thấy
tư không ra thấy tu, đi đực không ra đi đực)



MỸ
THANH

GIẢI NHẤT CUỘC THI
VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ 70

TAM ÍCH :

VĂN HOÀ VÀ LƯỢNG TỬ

46

thứ năm 26-3-70

Xin hỏi thực cô mình tý nhè
Sao cô mình vẫn về quá ta ?
Xưa nay cái giống đàn bà
Dài hơi mép giải mồm loa là thường
Nhưng em ạ, văn chương nó khác
Ngòi bút em đánh ác làm sao
Giá em là sến đi nào
Vỗ mông giữa chợ thét gào tự do !
Song em cũng nhà thơ nhà phú
Cũng thạo nghề một cú hai câu
Cần chi khuếch đại, tô màu
Mặt người ví đít cô đầu, chán ghê !
Thằng mà nói anh chê em đấy
Chê em rằng em thấy chưa tỉnh
Chê em chẳng biết phê bình
Hoặc là ầm ứ chút tình dở dang !
Nếu không phải, xin nàng giải thích
Dựa vào đâu công kích vắng tề
Sao em biết rõ vấn đề
«Không ra đi đực, dở nghề thầy tu ?»
Theo anh nghĩ, hơi ngu một chút
Chắc có thầy Văn Bút nhà quê
Vô tài chẳng chịu lộn về
Cứ ý ra mãi, làm «ê» mặt nàng
Nàng tức khí bèn phang thật mạnh
Bị ngựa rồi hung tánh nổi lên
Khiến cho ông Phạm Vết Tiền
Cây «Quen ăn Cáp» phải điên cái đầu !



MỸ THANH :

GIẢI NHẤT CUỘC THI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ 70

Giải nhất cuộc thi văn chương Phụ Nữ VN nhân Lễ Hai Bà Trưng 62 Âm Lịch năm nay đã về tay cô Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Học Sinh lớp 12A (Đệ I) Trường Nữ Trung Học Gia Long. Cô Mỹ Thanh (hình ngoài bìa) năm nay 17 tuổi sanh ngày 31-1-1953 tại Đà Lạt — đã chiếm hạng nhất trong số 181 nữ sinh tham dự. Đề tài cuộc thi là: *"Có những công việc người ta cho là của nữ giới, nam giới làm rất hay (đầu bếp, may cắt, thêu thùa v.v...). Ngược lại, có những công việc người ta cho là của nam giới, nữ giới tỏ ra xuất sắc (làm vua, làm Thủ Tướng, làm võ tướng v.v...)." Điều đó chứng tỏ công việc nào, nam hay nữ cũng làm được cả. Vậy tại sao xưa nay người ta cứ quan niệm "gái thì giữ việc trong nhà?"* Sau đây là nguyên văn bài đã chiếm giải nhất.

XUÂN NAY, hễ nói đến việc nội trợ như may vá, thêu thùa, bếp núc, người ta liền nghĩ đến đôi bàn tay dịu dàng khéo léo của người phụ nữ. Ngược lại, hễ nhắc đến việc chính trị, quân sự, xã hội... người ta lại cho là việc nam giới, xem đó là trách nhiệm nặng nề và duy nhất cho họ. Tuy nhiên, những sự kiện trong lịch sử, những kinh nghiệm thông thường trong đời sống lại cho chúng ta thấy rằng có những công việc thuộc phạm vi nội trợ, nam giới làm rất hay; trong khi phụ nữ có người đã tỏ ra xuất sắc trong những công việc thuộc lãnh vực bên ngoài đời sống gia đình như trị nước an dân, đánh đuổi quân xâm lược... những sự kiện này xem qua có vẻ đối chọi với quan niệm: "gái thì giữ việc trong nhà" của người Á Đông, nhất là người Việt Nam xưa nay. Quan niệm này xuất phát từ nguyên nhân nào? Có phải rằng người xưa đã quên lãng hay không hề biết đến những tài năng đặc biệt của nam giới và nữ giới có thể có ngoài phạm vi hoạt động quy vào bốn phận của riêng mình không? Để làm sáng tỏ vấn đề, chúng ta sau đây sẽ lần lượt nêu những minh chứng cho tài năng nội trợ của nam giới, tài năng đối ngoại của phụ nữ và cuối cùng đi đến việc giải thích và phê bình quan niệm "Gái thì giữ việc trong nhà" mà từ xưa đến nay đã ăn sâu vào đầu óc người Việt Nam chúng ta.

Một bàn tay êm ái dịu dàng của người mẹ sẽ cho đứa con giấc ngủ hiền hòa. Bàn tay này sẽ nhanh nhẹn, khéo léo để hứa hẹn cho gia đình một bữa ăn ngon, hay cho các con những chiếc áo xinh đẹp. Một mình người đàn bà có thể đảm đang hết công việc trong nhà, không một ai sánh kịp. Ấy thế mà đã có những người đàn ông tỏ ra rất khéo léo giỏi giang trong những công việc mà đáng lẽ, theo quan niệm thông thường, chỉ dành riêng cho nữ giới.

Nếu hình ảnh của một Phạm Công, lúc ra trận tay giữ kiếm, tay ôm con, bên người mang hài cốt vợ không phai trong tâm trí chúng ta, thì chắc không ai phủ nhận rằng nam giới không biết đến việc chăm nom con cái.

Khi chưa tục huyền với Tào Thị, Phạm Công đã một tay săn sóc cho hai con; không quản nhọc nhằn, mà đến lúc ra trận vẫn không rời con nữa bước. Hình ảnh "gà trống nuôi con" này khiến chúng ta cảm động xiết bao.

Nhưng đó chỉ được xem như một huyền thoại, một chuyện cổ tích. Chúng ta thử xét sang đời sống thực tế bên ngoài. Ai cũng biết rằng ngày xưa phần đông đàn bà Việt Nam phải ra ngoài buôn bán tảo tần. Ở nhà thiếu bàn tay của đàn bà. Vậy ai là người săn sóc con cái, lo việc bếp núc? Chính người đàn ông đã đảm đương việc đó. Một bàn tay người đàn ông lo liệu tất cả. Và đôi khi, sự khéo léo vượt hẳn người đàn bà.

Ngày xưa như thế, hiện nay ra sao? Ngày nay, chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng người đàn ông vẫn có tài nội trợ. Khi người phụ nữ lâm vào cảnh khó khăn như bệnh tật, sanh nở, người đàn ông vẫn có thể tự tay lo liệu việc trong nhà. Nếu bảo rằng bàn tay người đàn ông cứng cỏi, nam giới không có tài nội trợ, thì làm sao họ lại có thể làm được những công việc đó?

Hiện nay, nghề nấu nướng không riêng gì của phụ nữ. Chúng ta vẫn thường thấy những nhà hàng lớn đều do người đàn ông làm đầu bếp. Cho đến việc may vá thêu thùa, nam giới cũng góp phần vào đó rất nhiều. Những kiểu áo hợp thời trang, nổi tiếng khắp thế giới hầu hết xuất phát từ các nhà

may do chính nam giới trông coi. Ngoài ra, chúng ta còn phải kể đến lãnh vực thẩm mỹ; như nghề uốn tóc; trang điểm sắc đẹp chẳng hạn, nam giới quả đã tỏ ra có tài năng đặc biệt.

Như thế, đâu muốn đâu không chúng ta cũng phải công nhận rằng: người đàn ông ngoài tài năng "Kinh bang tế thế" còn có nhiều trường hợp được trời phú cho tài khéo léo, tinh tường để có thể làm những công việc của phụ nữ vậy.

Nếu nam giới đã xuất sắc trong công việc của nữ giới, thì nữ giới, đối với những công việc ngoài phạm vi nội trợ, đã chứng tỏ được điều gì? Xét ngay trong lịch sử, chúng ta sẽ có rất nhiều sự kiện để minh chứng rằng: phụ nữ cũng có tài chính trị, xã hội và quân sự.

Trong địa hạt chính trị, người phụ nữ cũng có biệt tài để lãnh đạo, hoặc tham gia việc nước. Lịch sử Anh quốc đã ghi nhận công ơn kiến quốc của Nữ Hoàng VICTORIA Đệ I, và đến nay Anh quốc vẫn còn duy trì ngôi vị Nữ Hoàng trong guồng máy lãnh đạo với Nữ Hoàng ELIZABETH Đệ II. Ấn Độ, một quốc gia Á châu, tinh thần ngày xưa cũng mang nặng thành kiến lạc hậu, ngày nay cũng đã có vị nữ Thủ Tướng là Bà Indira Gandhi, tỏ ra là người có tài lãnh đạo, đối phó với những việc khó khăn trong nước, giải quyết những vấn đề nhân mãn, đói kém của dân chúng một cách khéo léo.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, chúng ta không ai mà chẳng biết đến hai chị em nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị. Là phận nữ nhi, song hai Bà không thể ngồi yên lo việc nội trợ, bởi quân nhà Hán tàn ác, nhất là từ khi Tô Định sang làm Thái Thú. Chúng giết chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, trước khi việc mưu đánh quân Tàu của họ chồng Ông được chỉ hành. Hai Bà Trưng vì thù riêng thì thì, nhưng vì nợ nước thì nhiều, đã không nản chí tiếp tục mưu đồ, quyết phá tan giặc xâm lăng. Khi ra trận hai bà mặc áo giáp vàng, ngồi trên lưng voi làm binh sĩ hăng hái vì khí thế oai dũng. Hai Bà đã đánh đuổi quân Tô Định, bình định non sông và lên ngôi trị vì trong khoảng ba năm. Khi quân Mã Viện kéo sang, biết sức mình cầm cự cũng không lại, hai Bà đã chẳng hèn nhát mà hàng giặc, lại chọn cái chết liệt oanh ở dòng sông Hát. Hai Bà đã không thực hiện câu: "sống què cha, mà què chồng" mà đã làm ma trên quê hương yêu dấu, quê hương của tất cả mọi người dân. Tấm gương liệt nữ ấy mãi mãi sáng ngời trong lòng dân tộc Việt.

Ngày xưa kẻ làm trai biết bao nhiêu người theo nghiệp kiếm cung, võ tướng không thiếu trong triều đình. Thì phía nữ giới, chúng ta cũng tìm thấy những Vị Anh Hùng can đảm, dũng lược. Đoàn ông ra trận, họ cũng ra trận. Đoàn ông "hét ra lửa", họ cũng có phen làm tăng đóm quân thù. Nếu nước Pháp có Jeanne d'Arc được truyền tụng đời đời, thì Việt Nam cũng không thiếu những liệt nữ như thế. Chúng ta ai có thể quên được câu nói oai hùng này: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ; chém cá tròng kính ở biển đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đầm đuối, chứ không thêm bất chước người đời cúi đầu công lưng làm tì thiếp cho người ta" Chính Nhụy Kiều tướng quân tức là Bà Triệu, đã hiên ngang nói câu như vậy có thể bảo người phụ nữ Việt Nam chân yếu tay mềm, không có tài kinh bang tế thế? lại như một nữ võ tướng của nước ta mà không ai

Xem tiếp trang 14

DƯƠNG TRƯ LẠ

THỜI SỰ nghe thư

PHƯƠNG TẤN
ĐỌC THƠ Ở MỸ

Dưới sự bảo trợ của nhóm "Người Trẻ Việt Nam" ở Mỹ, một đêm đọc và phát hành thơ Phương Tấn đã được tổ chức thật thân mật tại "Foreign Training Office" thuộc căn cứ huấn luyện "Sheppard Afb, Texas" trong đêm mùng một tết Việt Nam. Ngoài khoảng 60 sĩ quan và hạ sĩ quan VN thuộc căn cứ Sheppard đã có thêm một số sinh viên sĩ quan phi hành tại "For Worth" và đặc biệt một số ít người Mỹ thuộc căn cứ Sheppard được mời tham dự trong đêm đọc thơ này.

Tên đêm đọc thơ mang cùng tên với tập "Thơ Tình Của Một Thi Sĩ Việt Nam Trên Đất Mỹ". Ngoài những bài viết về quê hương, gia đình và bè bạn ở quê nhà, số còn lại tác giả đã viết về những gì đã sống, thấy và xúc động ở Mỹ.

Góp vui cho đêm đọc thơ Phương Tấn, một số anh em Việt Nam yêu văn nghệ đã trình bày một số nhạc "tinh" VN và ngoại quốc.

Vì lẽ, số tập "Thơ Tình Của Một Thi Sĩ Việt Nam Trên Đất Mỹ" quá ít, tác giả đã chỉ dành 5 tập và một số thơ được quay rời cho toàn thể những người tham dự. Với sự nồng nhiệt và thích thú quá lớn của hầu hết người tham dự đã dành cho tác giả "Thơ Tình Của Một Thi Sĩ Việt Nam Trên Đất Mỹ", là một thành công đầu tiên của Phương Tấn, một nhà thơ trẻ Việt Nam trên đất Mỹ.

ĐÊM NHẠC CHỦ ĐỀ
"HÁT CHO TÌNH YÊU,
TẠI VIỆN ĐẠI HỌC
VẠN HẠNH

Vào đêm 15 tháng 3 năm 1970, nhạc sĩ trẻ Vũ Đức Sao Biển cùng các bạn hữu của anh đã thực hiện một chương trình nhạc chủ đề tại thành đường 18 Viện Đại Học Vạn Hạnh. Đêm sinh hoạt qui tụ khoảng 500 người nghe, phần nhiều là Giáo Sư, Sinh Viên và một số văn nghệ sĩ thủ đô.

Nhạc sĩ trẻ Vũ Đức Sao Biển và cô Mai Hoa đã trình bày mười hai tình khúc mới nhất do chính Vũ Đức Sao Biển viết. Trong dịp này có Khánh Linh, một giọng hát tươi cười quen thuộc của Đài Tiếng Nói Tự Do cũng trình bày góp vui hai tình khúc của Phạm Duy.

Người ta nhận thấy giọng hát Mai Hoa không giữ được phong độ cũ, tuy nhiên không phải vì thế mà đêm nhạc kém đi phần quyến rũ. Trong khi đó, giọng ca của Vũ Đức Sao Biển trầm ấm, tha thiết đã gây xúc động

<https://tieulun.hopto.org>

Khánh Linh chỉ hát có 2 tình khúc nường cũng được xem là thành công.

Vũ Đức Sao Biển là một nhạc sĩ trẻ trong giới sinh viên, đã được người ta biết đến tên tuổi trong vòng vài ba năm nay qua những đêm nhạc chủ đề tại Saigon, Nha trang và Huế. Tính ca của anh mang một nội dung phong phú, ngôn ngữ gần gũi là của thơ, mới mẻ, lạ lẫm đã làm cho khán thính giả hoan nghinh nhiệt liệt. Chúng tôi được biết anh học nhạc ở Đà Nẵng và Huế, và đã quen với âm nhạc từ năm 11 tuổi; có sáng tác đầu tay năm 18 tuổi. Hiện anh học tại Đại Học Sư Phạm Saigon.

Đêm sinh hoạt kết thúc lúc 21 giờ trong bầu không khí rất thân mật. (Quyên Ca ghi)

THƠ NHẠC MÙA XUÂN

Lúc 19 giờ, chủ nhật (01-3). Một đêm đọc Thơ nhạc mang chủ đề «Thơ Nhạc Mùa Xuân» được diễn ra tại quán Cuội (Khu Thanh Bình, Đà Nẵng), do một nhóm làm thơ trẻ tổ chức.

Mở đầu đêm Thơ Nhạc, ông chủ quán Cuội than, phiền về tình trạng im lặng của quán từ lâu, nay được mấy bạn trẻ (lời ông chủ quán) dành cho quán ông một đêm Thơ Nhạc giúp vui. Thứ đến ông chủ quán Cuội (giới thiệu với giới thường ngoạn, anh Trần dạ Lữ, Anh Trần dạ Lữ lên đọc thật vội những bài Thơ mình và trở về ghế ngồi, im lặng. Chương trình được liên tục với 2 ông Tổng châu Ân và Lê miên Tường. Hai ông Ân, Tường vừa đọc thơ mình, vừa «thuyết» vu vơ.

Chúng tôi định rời khỏi quán ngay từ lúc mới khởi sự, bởi quán hẹp và đêm đọc thơ «nặng phần trình diễn» không thể chịu được!...

Xen kẽ chương trình, một cô (không rõ tên) lên ca 1 bản tân nhạc, đứt đoạn. Anh Lương Thái Sơn tiếp tục bằng bài thơ của anh trong tập «Tuy Nhiên» vừa mới in xong. Anh Tô Văn đọc thơ của Thành Tôn, và một vài bạn khác đọc thơ của Đồng Trinh và, một vài tác giả rất lạ.

Những phút cuối của chương trình đã tự hủy đi sự hào hứng thăm lãng được nung nấu trong lòng thức giả. (Phạm Lệ Hà ghi).

NGUYỄN NGỌC HẠNH LAI ĐOẠT GIẢI QUỐC TẾ

Tác phẩm «Trường thành trong khói lửa» của nhiếp ảnh gia Quân Đội, Thiếu tá Nguyễn ngọc Hạnh, đã đoạt được giải nhì tại Đại hội Lương Niễn Nhiếp Ảnh Quốc Tế kỳ thứ VI (VIe Biennale Internationale de Photographica) vừa tổ chức tại Pescara (Ý).

Tác phẩm trên trình bày hai chiến đấu cơ A37 của Không lực VNCH, trong bối cảnh chiến trường sôi động đang lao mình xuống xạ kích mục tiêu.

Nguồn tin từ La Mã cho biết điểm đặc biệt khiến người ta chú ý là tác phẩm «Trường thành trong khói lửa» đoạt giải danh dự trên là tác phẩm duy nhất của VNCH tại Đại Hội trong khi tất cả 46 tác phẩm của 17 Nhiếp Ảnh gia Bắc Việt gửi tới dự thì đều bị loại bỏ vì kỹ thuật cũng như đề tài.

«Trường thành trong khói lửa» là một trong những tác phẩm nhiếp ảnh đặc sắc của Nhiếp ảnh gia Nguyễn

Ngọc Hạnh đã được trình bày trong cuốn «Việt Nam Khôi Lửa» do Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phát hành.

NGHIỆP ĐOÀN CA NHẠC SĨ VÀ SÁNG TÁC GIA

Nghệ đoàn ca nhạc và sáng tác gia đã được thành lập trong buổi họp ngày 7-3-1970 tại trụ sở Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam Saigon.

Chứng 100 đại diện của các giới này đã tham dự với sự hiện diện của ông Nguyễn văn Phong, Phó Tổng Thư ký Liên Hiệp Nghiệp đoàn Đô thành Saigon và Gia Định.

Sau khi thảo luận, hội đồng quản trị nghiệp đoàn đã được bầu ra do Nguyễn xuân Mỹ làm Chủ tịch; ông Nguyễn quang Thê Sang, Phó Chủ tịch, ông Phùng ngọc An, Tổng Thư ký, ông Nguyễn văn Quan, Thư ký và ông Quang Anh, làm thủ quỹ. Ngoài ra, hội đồng còn có mười ủy viên phụ trách về các vấn đề tổ chức xã hội v.v...

Theo ông Nguyễn văn Phong cho biết, giới ca nhạc sĩ và sáng tác gia tại Đô thành Saigon có lối 1000 người. Nghiệp đoàn được thành lập để chính đốn hàng ngũ và bảo vệ quyền lợi chức nghiệp.

Ô HỒ NGÀY GIỎ TÒ

Hôm vừa qua, một nhựt báo ở đây «hông hiểu có phải, vì cao hứng hay vì một quần sự nào bần lại bần làm một bài «giỏ tò Hùng Vương» rất ư là xôm tụ, báo hại những người hằng lưu tâm đến nền văn hiến nước nhà phải nhay phóc lên vì hoảng hốt tưởng là mình quá bần com, áo thành quần mất ngày giỏ tò. May quá khi xem lại lịch mới hay rằng hôm đó là 10/2 âm lịch mà ngày giỏ tò đích thực là 10/3 âm lịch. Bà con mới thờ khi một phát biết rằng tờ báo kia đã xệ 1 tháng.

Hôm sau thấy báo đó có bài đính chánh cũng rất ư là cận kề. Thôi thì bé cái nhầm một xí, không sao. Khỏi Hành loan tin này cho vui lòng vui xóm.

HOÀNG HƯƠNG TRANG «MÀM» NHỮNG VAMPIRE VĂN NGHỆ

Ngồi kiểm điểm lại những tuyến tập xuân vừa qua, người ta thấy Tuyến tập Đất Đứng đầu xuân Nhân Chứng bán chạy quá xá cỡ. Truy nguyên anh em bên khâu nhau là nhờ 1 bài điểm mặt của một hội Văn chương nọ. Nghe nói Hoàng Hương Trang sẽ vén tay áo, mài bút chia thêm một số vampire văn nghệ nữa. Ghê quá. Không biết kỳ này nữ sĩ sẽ chia ai đây? Anh em nên dọn mình chờ đón nghe.

VỐN LIẾNG MỘT ĐỜI CỦA DU TỬ LÊ TÁI BẢN

Trong hiện tình các Nhà Xuất bản đang ngồi tập ruồi, và rầu rĩ vì thua lỗ với chương trình đã dự định từ năm trước, nay vì giá giấy má mà đánh năm mep như mèo xuống nước. Bỗng có tin đưa tới là nhà Khai Phóng đang thương lượng với tác giả «Vốn liếng một đời» để tái bản tác phẩm này. Ghê nhà Khai Phóng thật.

Được biết năm trước đây cuốn «Vốn liếng một đời» của Du Tử Lê đã được nhà Đại Ngã xuất bản, in 5.000 cuốn và đã bán hết. Ghê quá.

● ĐẶNG TRẦN HUÂN

BƯỚM BAY VỀ ĐẦU

Trong hoạt động văn nghệ nước nào cũng vậy hễ có một cuốn sách hoặc một tác giả nổi tiếng, thì sẽ có nhiều cuốn sách khác ra đời xoay quanh cuốn sách hay tác giả đó. Chẳng hạn như ở Việt Nam, sau khi Nguyễn Du viết ra một cuốn Kiều thì có hàng trăm tác giả khác chép lại cuốn Kiều đó rồi bình luận, giải thích, tán. Nguyễn Du giá sống lại cũng ngạc nhiên vì có nhiều giải thích của hậu sinh phía ra cả đúng ý ông ư nào hết.

Ngày nay bên Pháp, cũng đang có mấy cuốn sách xoay quanh cuốn Papillon (Bướm) của Henri Charrière. Cuốn Bướm là cuốn sách bán rất chạy tại Pháp, đã in hàng triệu cuốn trong năm qua. Tác giả nó, Charrière, một cựu tù nhân năm nay 63 tuổi, đột nhiên nổi tiếng và triệu phú.

Có lẽ sốt ruột trước sự thành công của cuốn Bướm, nhà xuất bản La Table Ronde cho ấn hành Les Quatre Vérités de Papillon (Bốn sự thực về Bướm) của Georges Ménager. Có nhiên tác giả Bốn sự thực về Bướm không làm công việc bình giải cuốn sách của Charrière như ta bình giải Nguyễn Du, mà vạch ra điều xấu xa của tác giả Papillon và cũng chính là nhân vật chính của cuốn sách. Ai đã mua cuốn Bướm rồi, thì có thể tức khí mua thêm cuốn Bốn sự thực về Bướm xem chơi.

Tác giả Bướm giận lắm đưa nội vụ ra tòa xin tịch thu cuốn Bốn sự thực về Bướm.

Tòa không chiều ý Charrière, bác đơn của ông.

Trong khi đó một nhà xuất bản khác, nhà Presses de la Cité loan báo sắp cho phát hành cuốn Papillon épilogé (Bướm bị đóng kim) của Gérard de Villiers. Cuốn này tố cáo những chuyện do Charrière kể trong Bướm là ảo thuật.

Có nhiên Charrière cũng giận lắm. Nhưng làm thế nào bây giờ? Thôi Charrière ơi! Ông đã có 1 triệu đôc giả ở Pháp rồi, có 35000 độc giả ở Đại Lợi, 40000 độc giả Tây Ban Nha, và sách ông sắp sửa chính phục Mỹ quốc; thế là mãn nguyện quá rồi.

Ông còn định đưa những người đi sau ông vào tù làm chi? Hay là ông muốn sách họ bán chạy như sách của ông thì tác giả phải ở tù như ông đã.

THỜI HOÀNG KIM CỦA SÁCH BỎ TÚI

Ở Pháp, ngoài loại Livre de Poche (sách bỏ túi), còn rất nhiều nhà xuất bản cho ấn hành loại sách nhỏ này. Loại sách bỏ túi có nhiều ưu điểm: nhỏ, nhẹ, bán rẻ, các sách được chọn in đều là những sách đã có tiếng.

Mới đây một loại sách bỏ túi khác được ra đời: Points. Loại này in lại phần lớn các sách của nhà xuất bản Seuil và bao trùm các lãnh vực nặng như khoa học nhân văn, triết, mỹ thuật v.v...

Những cuốn đầu trong loại Points sẽ phát hành là L'homme unidimensionnel của Marcuse, Histoire du surréalisme của Maurice Nadeau, và một tuyển tập những bài quan trọng của Jacques Lacan. Giá sách loại Points từ 6 tới 9 quau (cổ 120 đ. Việt Nam)

KHÔNG PHẢI CỦA MAUPASSANT

Cuốn sách mang tên Une vie (Một đời người) dày 438 trang, bán 25 quan 90, (do Presses de la Cité xuất bản).

Không phải là sự tái bản cuốn tiểu thuyết Une vie của Guy de Maupassant. Cuốn sách mới trùng tên này do Curtis Bill Pepper và bác sĩ Christian Barnard viết.

Đỗ bác sĩ từ năm 23 tuổi, Barnard không lấy làm nổi tiếng trong y giới. Mãi khi ông ghép trái tim nhân tạo đầu tiên cho bệnh nhân Louis Washkansky. ông nổi tiếng khắp thế giới. Bệnh nhân của ông cũng vậy, vì là người được ghép tim đầu tiên. Bệnh nhân sau khi giải phẫu vẫn vui vẻ, tươi cười, can đảm để báo chí chụp hình phỏng vấn.

Và 18 ngày sau Louis Washkansky đi về với đất.

Bác sĩ Barnard, vẫn còn sống, ngồi viết lại kỳ công y học của mình, mặc dù con bệnh chỉ kéo dài đời sống hơn nửa tháng.

Cuốn Une vie của Barnard đang đưa tác giả tới danh vọng và tiền tài, vì cuốn sách đang bán chạy, đang đuổi theo những cuốn loại tự truyện như Piaf và Papillon.

GIÁC MỘNG HÍP PY

Hippy ở Việt Nam là một hiện tượng rừng mờ của một số con nhà giàu vô công rồi nghề và a dua vô ý thức.

Có nhiên nó khác với hippy Âu Mỹ nhiều lắm. Mà hip py Việt Nam, nếu muốn bắt chước hippy Âu Mỹ có thể chờ xem cuốn phim Alice's Restaurant để mà... học tập.

Alice's Restaurant của đạo diễn Arthur Penn nghe tên thì tưởng là Lữ Quán của nàng Alice nhưng thực ra khung cảnh cặp vợ chồng hip py Ray và Alice là một ngôi nhà thờ, thuộc tiểu bang Massachusetts.

Xung quanh cặp vợ chồng Alice, còn nhiều bạn bè nữa. Họ tới vùng nhà thờ restaurant, này để ăn nhậu, hút xách, đàn hát. Tiếng chuông đồ hồi, sau lúc Ray đã làm tỉnh. Tiếng hát chất chứa hòa với tiếng hạ uy còi, tiếng xe máy nổ trong mùi hương trầm hòa với mùi ma túy.

Nghe kể cũng có vẻ lạ và làm sao ấy! Híp py Việt Nam chắc không dám học tập theo híp py Mỹ trong phim Alice's Restaurant đâu?

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG HK, 1970

Ba phụ nữ vừa đoạt các giải thưởng văn chương kể vào hạng uy tín nhất nước Mỹ, Giải Thưởng Sách Quốc Gia (National Book Awards), là Joyce Carol Oates, giải tiểu thuyết, cho cuốn «chúng nó» (them); Lillian Hellman, giải «Nghệ Thuật và Văn Chương», cho cuốn hồi ký «Một Người Đàn Bà Chưa Xong» (An Unfinished Woman); và Elizabeth Bishop, giải thi ca, cho tập «những Bài Thơ Hoàn Toàn» (The Complete Poems).

Các tác giả khác đoạt giải này là: — Isaac Bashevis Singer, cho cuốn «Một Ngày Lạc Thú» (a Day of Pleasure), loại Văn Chương Nhi Đồng; — T. Harry Williams, cho cuốn «Huey Long» loại Lịch Sử và Tiểu Sử; — Erik H. Erikson, cho cuốn «Chân Lý của Gandhi» (Gandhi's Truth) loại Triết Học và Tôn giáo; — Ralph Manheim, cho bản dịch cuốn «Lâu Đài tới Lâu Đài» của nhà văn Pháp Céline.

Mỗi giải trị giá 1.000 MK. (ĐL)

MỖI người viết văn, khi viết, thường có một «bối cảnh tâm tư». Riêng tôi, trên bối cảnh tâm tư, tôi bị hai cái ám ảnh: cái thứ nhất là, tuy đòi cho có văn hóa dân tộc, bối cảnh tâm tư nó cứ vương vấn... sao ấy, khó mà thoát khỏi! Một biến thể của «khô thừa» của ông già Hegel chăng? Vậy chứ, có nên, có thể, có được cái văn hóa dân tộc không! Cái thứ hai là, khi đem những luận cứ siêu hình và «bản thể» vào chuyện nhân sinh cõi phàm phu, bối cảnh tâm tư lại vương vấn thêm một lần nữa, dù rằng chuyện triết học cũng chỉ là chuyện nghìn năm nghìn thuở thường thường của thiên hạ! Triết học là gì: là nghệ thuật nói những điều thông thường nhất bằng một ngôn ngữ cầu kỳ và, phiền phức nhất. Ý phê phán về triết học ấy chẳng phải của riêng tôi đâu! Đó là ý của một số tư tưởng gia lớn cổ và kim! Kể cả nhà sư phạm triết học cổ kịch trước. (Hỡi trời: chính tôi lại vương vấn trước ai hết!..)

C HỈ có sự hiện diện của một «thực thể» (entité) thôi, ấy thế mà nó làm xao động cả hai ba ngàn năm triết-khoa học. Cái «thực thể» ấy, nó phải có tên. Ngôn ngữ là một lợi khí hữu hạn, cho nên không thể nào dùng ngôn ngữ mà «gọi» nó, bằng một cái «tên», vì «danh, khả danh, phi thường danh». Gọi tạm là lượng tử? Gọi tạm là: sóng? Không ổn! Thì gọi tạm là vi-tử-ba-động: (onde-corpuscule) Đó là hình thức nhỏ nhất của cái «être». Nhỏ thế vì cực tế vi, đến như không thể nhỏ hơn, là «être»; mà to lớn đến như căn khôn nghĩa là không thể to lớn hơn lại cũng là «être». Còn ngoài ra, ở vào «giữa» mỗi cái «hữu» trong vạn «hữu» là «être». Còn ghép nó vào cõi tôn giáo thì nó viết hoa: «Être». Và lại, số đơn hay viết hoa là tùy từng triết gia. Triết gia lớn, họ cũng cãi nhau như bất kỳ một ban hội tế nào của một cái xã nhỏ nhất nào! Còn đối với «être» có cái chữ «non-être» của Parménide ngày xưa dùng trong câu từ danh về tới... om om «L'Être est, le Non-Être n'est pas» (dịch ra không được) thì «non-être» không phải là Vô hay Hư vô mà là đúng như khái niệm «Dịch» đồng phương, tức là «Chuyển» hay Biến, vì «Dịch» là không phải là «Hữu» của sát-na trước nữa và đã trở nên cái «Hữu» chưa thành hình rồi (chúng tôi cho là giáo sư R. Muechielli nói đúng nhất). Còn cái «Không» trong lý sắc sắc không không của nhà Phật, giáo sư học giả Nguyễn duy Cần (trong Phật học tinh hoa) nói đúng lắm, không là hư vô, mà là «không có thực như ta đã nhận thức» để đối với «giả hữu». Nhận thức được một «hữu» thì nó đã dịch, đã chuyển đã biến rồi, có còn «có» đâu nữa, mà không là không (thể là Phật khác Parménide từ xưa xưa!)

Và, số là.....

N GÀY xưa, nhịp lịch sử dài và chậm: từ ngày nhà Hán phát sinh và trưởng thành cho đến ngày nhà Hán xuống dốc, dài đến ba bốn cái ba vạn sáu ngàn ngày... và từ ngày Trịnh Kiểm làm lộng đến ngày Trịnh Bồng làm đi tu lại cũng dài cũng chậm đến hai cái ba cái ba vạn sáu ngàn ngày... Chẳng hạn là thế!

Ngày nay khác: năm ba năm thôi đã có lên và có xuống, có thành trụ và có hoại không! Có khi chưa thành sắc, đã có không! Ngủ dậy đã có mây văn cầu!

Yếu lý của Albert Einstein (và xưa kia là của Phục Hy, Lão Tử, Trương Hoàng Cừ, Chu Hy... nói bằng ngôn ngữ khác) ra đời 1905; và hơn nữa thế kỷ sau (chúng ta cứ tạm coi như là từ năm 1970, hay năm Canh Tuất này) thì mọi lý vũ trụ và lý phân sinh bỗng choáng váng, chấp chờn rung rinh! Không gian và thời gian ngày xưa là hai thực thể (entité) ngày nay là một. Hữu hình và vô hình ngày xưa là hai, ngày nay là một. Vật chất và «tinh thần» ngày xưa là hai; ngày nay là một. Vật chất và năng thế ngày xưa là hai, ngày nay là một. Và Nó «bất dịch» giao dịch, biến dịch (thành ngữ của Sáo Nam trong bộ Chu Dịch) theo lẽ dịch-biến chuyển. Nhị-nguyên-tánh biến theo đó, mà cái gọi là «entité» biến thể còn cái «dụng» của âm dương thành «trạng» vị trí cũng rung rinh.

Bỗng nhiên, vấn đề «tính thể dụng» cổ điển chuyển vị trí cố định trong cõi duy lý tính và đổi hướng vận hành. Thiên hạ hình như chỉ giữ lại bóng dáng Héraclite, Kinh Dịch và Hegel!

VĂN HÓA VÀ LƯỢNG TỬ

Thì ra, nếu nói về cõi, thì cũng chỉ có (tạm gọi thế) ba cõi: một là cõi đối hư không (vide) giống như cái «cõi» trong đó, khí trời rút ra hết (như trong cái lọ của nhà hóa học hay vật lý học); hai là cả không gian trong đó các loại các thứ vũ trụ tuyến và vi phân tử tập đa đến mức tối đa và đến cỡ vô cùng.... lưu động (evolution): cõi này gồm có hai thứ hữu tượng (vật chất) và trừu tượng (tinh thần). Còn cái thời gian mà cụ Phan Sáo Nam gọi là «thời» trong bộ Chu Dịch của Cự (tiếng địa phương của Cự ấy mà!) thì nó đã là «chiều thứ tư» (quatrième dimension) mất rồi!

Và ngoài cái «lượng tử» vật chất mà chúng ta «niệm», còn có các «lượng tử» tâm linh, các triết gia lớn và các khoa học gia lớn, hay là các triết khoa học gia, gọi là «lượng tử tâm linh» (atome psychique). Nghiêm xuân Hồng bản đến trong hai cuốn «Xây dựng một nhân-sinh-quan» và «Đi tìm một căn bản tư tưởng». Hình như họ Nghiêm có gọi ra một điểm của nhà Phật: con người ta suy tư hay hỉ nộ ái ố đều phát «lượng tử» ra và «in» nó trên mọi «bối cảnh» vũ trụ và nhân sinh, quay ra là ra ngoại giới, quay vào là vào chủ thể. Còn Leibnitz thì bản trước đến vật chất và tinh thần trong cuốn «Những vấn đề lớn của «tình hình học» (Les grands problèmes métaphysiques) của F. Grégoire và của thư xã Presse Universitaire. Và các trang 1210, 1211, 1212, 1213 của cuốn Tự điển phê phán và chuyển khoa của triết học của André Lalan de, ở chương Nguyên tử, có luận rõ ràng đến các triết gia và khoa học gia cổ kim kích thước quốc tế cùng cái «nguyên tử năng thế» và «nguyên tử tâm linh» (atome psychique) của họ.

TAM ÍCH



A Y thế là chuyện phải xảy (như hậu quả) đã xảy: một số vấn đề căn bản triết học cổ điển (từ một độ kích thước lớn của triết học «tiền socrate» và triết học dịch lý của Kinh Dịch) lên lại thăm xanh. Chữ sao: yếu lý chính xác một cách khủng khiếp của khoa học kia, mà còn bị xáo trộn; hướng gì một nền triết học siêu hình thường dựa vào những định đề (postu — lat) khó chứng nghiệm. (Vay chữ Héraclite đúng hay Parménide đúng; vậy chữ vấn đề «đồng» và «dị» (problème du Même et de l'Autre) mà Michel Foucault nói suốt cuốn «Ngôn ngữ và vật» (Les mots et les choses), nếu không có Aristote và ngày nay là Phật giáo và Dịch lý hay Einstein giải quyết cho thì đến bao giờ ngã ngũ!!) Khoa học còn phát sinh từ định đề (postu—lat) và còn có thể «nhào», triết học tốt số gì hơn! Albert Einstein không tả khoa học, ông (hay bất kỳ vi nhân nào) nể gì triết học thường hay gây lụy!

Chỉ còn có việc này: vạn vật tương quan và qui định lẫn nhau (déterm nisme) và chịu luật nhân quả. (Nói ở trên trắng mà dưới đất nghe sự tương quan «khủng khiếp» đến thế!) Thưa: qui định và tương quan cần được hình dung như một cái «đáy» có hàng hà sa số và hàng sa số «lóng»: vậy thì cái «lóng» đầu tiên (xin thưa: đầu tiên), gọi nó là Thái cực, hay là Thượng đế? Tất cả vấn đề căn bản triết học và tôn giáo đặt ra ở điểm đó mà thôi! Mà thôi! Duy lý tính (rationalité) của con người bao giờ cũng đòi hỏi một câu trả lời! Bản kinh Lăng nghiêm của Thượng tọa Thích Thiện Hoa, xưa kia, tôi đã đọc hai lần: thì ra Thái tử Tất Đạt Ta, khi tu hành và chứng nghiệm cá nhân thì người dùng duy nghiệm tâm linh (empirisme transcendantal), nhưng khi diễn giảng về cái «tâm» cho Ngài A nan Đà thì Phật tổ dùng duy lý tính để duy lý luận. Ủa muốn cái trắng thì phải dùng ngôn tay chỉ trắng, có gì là lệ! Phật tổ nói về ngôn tay chỉ trắng rồi đây

lên đến trắng thì «co» ngón tay lại, cũng như đến đến thì bỏ thuyền: cứ như là người dạy phản phúc, mà thực ra, đó chỉ là một bản án đưa ngôn ngữ ra vành móng ngựa!

V A chiêm bốc thời Xuân thu Chiến quốc là gì? Thực ra chiêm bốc là tìm cái nghĩa điềm tương quan cực vi cực diệu của chủ giới và khách giới, (và Trời Đất): ngày xưa là Thiên Nhân Tương Dữ, ngày nay là Chủ Khách Tương Dữ. Và số dĩ thể được là vi: vạn vật nhất thể.

Khoa học hay huyền học là tùy ở quan điểm làm nơi con người đứng để nhìn (vision) mọi lẽ vũ trụ-nhân-sinh chứ không có «cái» gì tuyệt đối cả!

Chỉ tiếc có một điều là đối với thiên hạ nhận thức, có điều «khả giác» mà cũng có điều «khả niệm»! Và có ai dư cơm mà đi tìm cái «khả niệm» phù phiếm mang mang và om om, làm gì?

Nhưng hai đầu đường hành trình có hai người: Phục Hy (hay Văn Vương trong Kinh Dịch) và Albert Einstein, đã giải quyết dùm cho hết. Giữa và trên con đường dài, chấp chờn có Chu Hy và Trương Hoàng Cừ: họ «thoảng» có «định đề» (postulat) nhưng họ có đơn! Tôi đã xin thưa từ năm kia trong tạp chí Tân Văn rồi!

Từ đây, vấn đề Đông Tây khó đặt thành chuyện lẻ loi: mọi chuyện lẻ loi riêng tư, mọi chuyện lưỡng nguyên tính (theo nghĩa hẹp) cũng thấy vị trí rung rinh. Nổi một cách khác: mọi thứ biên giới mất dần: ở đầu cuộc «hành trình» thì âm dương chỉ là hai «mặt» (faces) của một bản thể viết hoa; còn cuối (cuối chưa?) cuộc «hành trình» có nếp sống và suy tư của Đông và Tây (của Âu hay Á) lại cũng chỉ là hai cách hiện hữu (Heidegger gọi là «manière d'être») của loài người là «một»: một mà nhiều, nhiều mà một, cực giản mà là cực phiền, và ngược! Vậy thay.

K È cả biên giới của các cái «thực thể» gọi là văn hóa dân tộc: thế thì cái «văn hóa dân tộc», cái mà chúng ta nhất định đòi cho được gọi là văn hóa dân tộc, cái đó, nói về lý thuyết thì hãy còn là lý thuyết, mà nói về thực hành, cũng chẳng dễ! Còn lời lên cho nó hiện ra trong cõi trừu tượng bản thể siêu hình thì nó thành chuyện chơi vơi.

Sau khi Bà Già Âu Cơ hạ sanh trăm trứng thì Sơn tinh và Thủy tinh gây lên làm núi cao, rừng cao và nước sông Ngập chan hòa đắm đuối sinh linh, vua chúa và tam cương ngũ luân và cổ Tằm và cổ Cầm ra đời: chúng ta có văn hóa dân tộc. Mà ngày sau vào một năm ất dậu nào đó, nhà nước «bảo hộ» và quốc gia anh em Phù tang lấy lửa và lã đất trồng day để chết hàng triệu con Rồng con Tiên: có lẽ lại có một văn hóa dân tộc! Và bây giờ hàng sa số mấy truyền hình... lại sắp làm văn hóa dân tộc... Hai trăm năm, ba trăm năm nữa, chúng ta sẽ có một nền văn hóa dân tộc nữa, vậy thay! Văn hóa dân tộc Việt nam biên giới nơi nào, chiều hướng nào, kích thước bao lăm, màu làm sao!

Cứ như là chuyện trà dư... chưa chát!

Dân tộc chúng ta tự thương thân phận chính mình cho nên đặt vấn đề ra, đó thôi: Chữ nào có biết mặt mũi dung nhan nó ra sao đâu! Mấy ông vi nhân họ làm cho xao động từ căn bản, thì có còn cái gì mà vững, mà thăng bằng, mà bất-dịch nữa đâu!

Kể cả mấy cái «khái niệm» là những thứ «hở dĩ» (hormone) của chất màu xám là bộ óc của con người! Nhiều «lý» quá: thiếu «sự»; giáo sư Ngô trọng Anh nói mà đúng vậy thay! Đòi gì nữa!

Thì ra chỉ là huyền thoại (mythe) cả: sản phẩm của thông minh con người. Mà đã là sản phẩm của thông minh của con người thì, gán cho nó nghĩa nào nó có nghĩa ấy. Ai gán nghĩa nào, nó có nghĩa ấy. Đoàn thể nào gán nghĩa nào, nó có nghĩa ấy. «Lượng tử tâm linh» luôn luôn biến và dịch... Không gian biến thì thời gian biến, kể cả «thời gian bên trong», vậy!

Văn hóa dân tộc à?

Có thêm một huyền thể!

Từ năm Canh Tuất này chuyện gì đã lạ, sẽ lạ mãi!

Ông trạng trình Nguyễn Bình Khiêm, ông là ai và hiện ông đương ở đâu, thưa ông?

« KHUNG RÊU » CỦA NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

« Một bức tranh xã hội chứa đựng những chân dung tâm lý » (1)

Ông làm bầm một mình như thăm mắng vốn với Thượng Đế : «Trời hãy ngó xuống mà coi cái gia đình này đã đến hồi ly tán. Nhưng đã quá muộn rồi, những lời kêu trời than khổ đó của ông Phú. Mọi lời than thở hay trách móc đều trở nên vô ích. Tình thế không còn làm sao cứu vãn được nữa. Cảnh ly tán của gia đình ông Phú hưu trí họ Nguyễn, sự phá sản từ vật chất đến tinh thần của mọi người dưới cái mái ngói rêu phong đó chỉ là hậu quả tự nhiên của một diễn biến tuần tự từ lâu, của những cảnh xảy ra xung quanh ông. Còn làm sao tránh nổi nữa sự suy sụp mà chính ông là một tác nhân quan trọng : Ông, một cựu viên chức của nhà nước Bảo Hộ, luôn luôn một lòng sùng kính nước «Lang Sao», đã về hưu được cả mười năm trời mà còn cất cao cổ ngưỡng vọng mẫu quốc giữa thời mà, hầu hết ruộng đất của ông đều bị Việt Minh chiếm đoạt để ban phát cho những tá điền của ông. Ông không biết lịch sử đang lướt qua ông những bước chân thô bạo, đang dẫm lên nhân cách của ông mà tiến tới. Ông đã hết thời, có lúc ông cảm thấy thế, ông bất lực không trị nổi Canh, đứa con trai lớn của người vợ trước, đứa con hoang toàng, phá gia chi tử» cái lại ông từng miến một. Với đôi lông mày đậm xích diêm diêm dúa và làm việc vất vả của phụ nữ, bất tài vô tương. Thế nên ông không còn tin tưởng gì vào tương lai của gia đình nữa, lại thêm «thời thế đảo điên» cướp mất một phần lớn tài sản ruộng đất của ông, khiến gia đình ông càng ngày càng sa sút. Có lẽ vì vậy mà ông đổ đến ra, ăn nằm với Ngà, một đứa trẻ gái vừa trở mã, nhan sắc mặn mòi, tràn trề sinh lực. Tinh thần ông Phú xuống dốc hoàn toàn. Ông không giữ nổi một tác phong gương mẫu cho con cháu và nó bộc trong vào đó mà nề sợ nữa. Bởi vậy chúng vẫn liên kết với nhau mà lộng hành trong nhà ông. Ông Phú trở thành một hư vị. Trông ông đáng sợ như một ông ác dữ dằn ở trong đám tuồng Phật, nhưng thực sự ông không làm gì được ai trong nhà nữa. Lần cuối cùng ông giành lấy quyền với Ngà, Ngà có thai với ông rồi, mà người của khôn khéo của Ngà — ở địa vị cha vợ ông — vẫn khép nép sợ sệt ông. Ông có lỗi, ông biết thế, nhưng ông vẫn cư xử với «Chú Tám» như một người chủ liêm chính đầy uy quyền, đến nỗi «Chú Tám» phải khúm núm thưa bẩm với ông một cách thâm hại : «Con xin lĩnh quan lớn. Xin phép quan lớn cho con nói chuyện riêng với con Ngà một chút». Nhưng thực ra con người bề vệ oai nghiêm đó chỉ còn lại bề ngoài đáng sợ, từ bản chất ông đã là một kẻ nhiều tội lỗi. Ông buồn chán về hai đứa con lớn của người vợ trước : Canh ngỗ nghịch. Tường hư hỏng bỏ học, cộng thêm với nỗi thất vọng sâu xa về đứa con duy nhất của người vợ hiện tại là Chiêu, bán nam bán nữ, suốt ngày chỉ lo tranh ngược, hai hàm răng giả rít lại, khuôn mặt to lớn của ông vẫn còn toát ra một vẻ lạnh lùng rất trang nghiêm và đe dọa với bọn nó bộc trung thành. Nhưng về mặt đó chỉ là một vẻ mặt hề đối với thằng con cả của ông, tên thanh niên lười biếng chỉ biết ăn tiêu cho thoả thích bằng những phương tiện do ông cung cấp. Ông Phú sợ đứa con đầu lòng vì ông có mặc cảm phạm tội. Khi người vợ trước còn sống, ông đã quen thói trăng hoa đến nỗi người đàn bà đó phải ghen uất lên mà chết trong thời kỳ ở cử. Ông quen thói bắt nạt bọn tá điền, ông làm khó làm dễ họ ra sao họ cũng đành chịu tuân phục ông một bề không dám cãi. Người tá điền tên Tám chỉ thiếu ông một mùa lúa, ông liền bắt Ngà, con gái «Chú Tám» phải ở độ mười năm trừ nợ. Ngay cả khi ông đã ăn nằm

quyết định của người chủ gia đình — quyền trước đây thực sự nằm trong tay bà Phú —, đó là lần ông nhận lãnh hậu quả tội lỗi của mình : «Ông Phú gần giọng : — Một, con ra nhà sau ngay bây giờ. Tao chưa mất quyền làm chủ trong gia đình này mà». Nghĩa là thực ra ông đã mất cái quyền đó từ lâu, từ ngày đứa con lớn đòi ông chia một phần gia sản cho nó, mà bây giờ ông khẳng quyết ông chưa mất quyền, chỉ là một cách vùng dậy lần cuối của kẻ thất thế. Cái gì thì còn sót lại nơi ông chỗi dậy để nhận lấy phần thua thiệt làm danh dự — nhận lãnh cái thai trong bụng Ngà —, đó là cái gì thì như tia lửa lóe lên lần chót trong đồng tro tàn. Rồi sau đó, ông Phú chỉ còn biết găm thét vô vọng và rên rỉ từng hồi bất lực trước cảnh đổ vỡ toàn diện của gia đình, trước cảnh gia phong bại hoại ; vợ ông không còn nhìn đến ông nữa. Tường con trai ông ăn cắp tiền bạc của ông và rủ Ngự cháu gái vợ ông đi trốn, Tịnh cháu gọi ông bằng cậu thì nổi cơn điên vì mặc cảm và tuyệt vọng. Thụ và Chiêu hai đứa con cuối cùng của ông bỏ nhà đi theo kháng chiến, theo «bọn siêu mưu làm loạn» ! Thế là hết, sự suy sụp của gia đình : vô phương cứu chữa. Sau cùng, kiệt lực, ông ngã quì

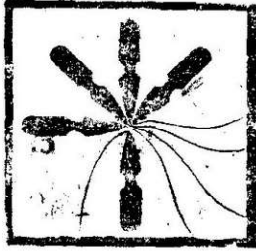


chết trước bàn thờ tổ tiên, cái chết tự nhiên ở cái tuổi bảy mươi chín, nhưng thật là đột ngột đối với người xung quanh. Ông chết mà không nhắm được mắt : «Lão Tự kéo chiếc mền để lộ ra nét mặt còn phảng phất nét khắc khổ, đau đớn với hai con mắt mở trừng trừng».

Xung quanh ông Phú là vợ, con cháu và nó bộc của ông, mà phần lớn góp phần làm cho gia đình suy sụp. Tất cả đều sống bám vào lúa thóc bọn tá điền đem góp cho ông Phú, và vào số tiền lương hưu trí của ông. Toàn thể gia đình được đặt dưới quyền quản trị của bà Phú, người vợ chấp nối của ông Phú, bà chỉ hơn Canh là con trai cả của ông chừng mười tuổi, nhưng cả ba đứa con chồng đều trọng nề bà. Bà chỉ có với ông Phú một mụn con hiếm muộn mà lại là người bất toàn về thể chất. Chiêu, bán nam bán nữ. Đó là một nỗi thất vọng sâu xa của bà. Nhưng bà là người đàn bà khéo che giấu cảm xúc, về mặt luôn bình thản, với hai hàm răng khít rít, nghiêm nghị, «hai con mắt bà Phú ráo hoảnh và trắng xác. Mỗi câu nói của bà đều được mở đầu bằng một nụ cười đáng ghét», thế nhưng bà «còn có một ngôn ngữ sắc sảo và lời cư xử vừa lòng hết thảy». Bà khéo thu vén cho gia đình, không để người ngoài biết được cảnh túng thiếu của vợ chồng bà. Cái lỗi của bà là lỗi «giấy rách phải giữ lấy lề». Bà trọng hình thức đạo đức, lễ nghi khuôn phép, phân biệt chủ tớ một cách rõ rệt, bà giữ gìn con cháu rất cẩn thận. Bà lại là người trọng chồng và tự trọng, tự tin, không

bao giờ đặt tôi tớ lên ngang hàng với con cái, hướng chỉ là ngang hàng với bà để trở thành địch thủ của bà. Thế nên bà không ngờ Ngà lại có thai với ông Phú. Bà tiên liệu được mọi điều, trừ điều đó. Bà đã từng tin tưởng ở phúc đức nhà ông Phú : «Qua hai thế hệ, giòng dõi của ông Phú đều sung mãn, không đến nỗi điêu đứng như những giòng dõi quen biết khác ở quanh vùng. Nhưng bây giờ, gia đình bà đương hồi xuống dốc». Bà quên mất một điều mà mọi nhà giàu có đều e ngại, một điều mà nhà Phật hằng nhắc nhở, mà Nguyễn Du đã phát biểu bằng một câu thơ trong bài Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh : «Thịnh mãn lâm oán thù càng lắm». Và oán cừu chồng chất theo danh vọng, theo sự nghiệp, mấy ai lường được ? Thế nên bà Phú chỉ biết chăm chú bảo vệ danh giá của gia đình, bà «khư khư ôm lấy cái quả vàng vang son» trong khi xung quanh bại con cháu và nó bộc của bà cũng như chính chồng bà càng ngày càng chìm sâu xuống hố tội lỗi. Trong bóng tối, hay ở sau lưng bà, chỗ vắng mặt bà, nhưng thuộc vùng cái quản của bà, tội lỗi ngày càng chồng chất. Tội lỗi thách đố trí khôn của bà Phú, con cháu bà và nó bộc của bà bất chấp những cấm lệnh của bà. Có lẽ chính sự nghiêm ngặt của bà đã kích thích máu phẫn lưu liêu linh của họ. Thái độ lạnh lùng xa cách của bà đối với ông Phú sau khi ông nhất định cư mang Ngà chỉ là phản ứng hoàn toàn tiêu cực. Bà dọn ra ở riêng trong một căn nhà sàn cất vơi dưới bến nước, thái chính sự vắng mặt của bà, sự thiếu xếp đặt của gia đình, đã làm cho không khí gia đình trở nên buồn thảm, mọi người tìm cách thoát khỏi sự im lặng ngột ngạt vây quanh và đó là một nguyên nhân gần làm cho gia đình bả ly tán. Một Tường bắt tài. Lười biếng, ham mê trai gái bất tình rồi ăn nằm với một Ngự bông bột, nông nổi, và ưa thay đổi, họ âm mưu ăn cắp của cha, của cô, náo tiếu bạc, náo nức trang, rồi dạt như đi trốn. Sống bạt mạng ít lâu, tiêu hết tiền, họ lại mò về ăn bám ông Phú. Rồi chịu không nổi cảnh tự lực cánh sinh khi ông Phú đã hết cách đãi thọ cho họ, Ngự bỏ con lại cho cô và bỏ chồng, đi theo trai. Dần dần nàng lại trở thành món đồ chơi chuyển tay người đàn ông này đến tay người đàn ông khác. Còn Tịnh, đứa cháu mồ côi của ông Phú, vốn mơ mộng, yếu đuối say mê Hoàng — cậu học trò ở trọ nhà ông bà Phú —, nàng có mặc cảm sống bám cậu mợ, mặc cảm làm cho nàng khổ sở, rồi Hoàng bỏ đi biến biệt không trở lại cưới nàng, Tịnh tuyệt vọng đến độ phát điên chết sau mấy năm trời chịu đựng cơn bệnh. Tường sống bằng nghề chích dạo, với người vợ đẹp nhưng quê mùa, chạy ăn hụi hơi «một tháng người không có tiền sử» nữa. Hoàng lấy một cô con gái nhà giàu, mở hiệu bán xe đạp, từ bỏ nếp sống nghệ sĩ, không còn kéo vĩ cầm như hồi xưa yêu Tịnh. Chiêu thì biệt tăm từ ngày không chịu nổi cảnh hiu quạnh của gia đình mà bỏ đi theo kháng chiến, có lẽ đã chết. Sau cùng chỉ còn Thụ trở về ngôi nhà tổ phụ. Thụ ngày xưa hào phóng và yêu đời, luôn luôn hòa giải mọi chuyện rắc rối trong gia đình, đi tới đâu đem niềm vui theo tới đó, chàng là nguồn hi vọng cuối cùng của ông Phú. Bây giờ con người lạc quan đó «không còn nhìn cuộc đời hào hứng nữa». Chàng sống lặng lẽ với đứa con bất hạnh của Tường, ngày ngày đi dạy học, về nhà vui đùa cùng cháu và trông coi hương hỏa (xem tiếp trang 12)

(1) «Khung Rêu» truyện dài của Nguyễn thị Thụy Vũ, Ké Sĩ xuất bản, 1970, 416 trang, giá 330 đồng.



NHẬT KÝ CHUNG

1970

Buổi sáng rung rinh những cơn gió lạnh. Trời mù sương bao trùm Thành Phố, những cơn đường trắng xóa. Ngồi ở Diệp Hải Dung, kêu một cái Café đen, hút thuốc đầu tiên trong ngày. Ngồi xuống và vô cùng nhớ Chi. Những ngày Trường Tiền mù sương đạp xe đạp dọc theo Lê Lợi con đường gáo trắng nón bài thơ của một quá vãng xa khơi — Hàng sều đông thẳng tắp — cúi đầu...

Gặp Lê Miên Tường ở Huế vô — Viết lách gì không? — Chữ nghĩa kỳ này khó khăn quá — Sao im lặng quá vậy — Ồ — nhiều biến động quá — Đang dài dài — Làm cái gì để phá tan sự tẻ nhạt của không khí văn nghệ đang xanh xao vàng vọt đi chứ — Làm gì đây? — Tôi tò mò — khó quá — tiền đâu? — Ai đỡ đầu cho đây — Ở đây có DL mà — thử đến gặp D.Lam coi — Có nghĩ đến những cậu không nghe giấy báo vừa lên giá sao — Ủ — nhĩ — Đ.M cái gì cũng lên giá —

Tường nói: Tụi mình là những con chim có ai chịu mở một không vườn một khung trời xanh, tụi mình sẽ bay về đó, mỗi đứa hót một tiếng. Đồng ý. Làm báo — hoài bão đó cậu ạ nhưng kẹt quá — hay mình làm một buổi thơ nhạc đi. D'accord — to chức một đêm thơ nhạc đi. Nổi bốc đồng kéo dài trong một phút. Văn nghệ mà — bên ba cái CAFÉ đen — mấy gói Bastos xanh — Hút thuốc thơm không chịu nổi gần cả trăm bạc một gói thuốc.

Rời Diệp Hải Dung ba đứa hăng hái chạy mua croquis, viết quảng cáo, đi liên lạc với chủ quán Cuội — Điện thoại cho Trần Dạ Lý, cô Mỹ Thanh hay.

Buổi chiều nghe tin quán kem Dừng bị nổ. Mất đi một chỗ ngồi mát mẻ, có hơi hám, phảng phất của một La Pagode. Tường hỏi — vẫn tiếp tục làm chứ? — Ủ — làm chứ — sợ gì — Cậu phải hát Du Ca nghe.

— Những náo nức hăm hở của hoạt động văn nghệ. Đã hơn một lần tổ chức, đã hơn một lần hoạt động bao giờ cũng háo hức náo náo, như những chuyến đi du gần hay xa mau hay lâu. Đã chán kiếp sống, đã chán mọi sự có một điều chưa bao giờ thấy nản, lùi bước, chối từ — làm văn nghệ — Giọng máu đã ăn sâu đã ngấm ngấm, chảy trong tim — thư của bé Diệu ở Huế gửi vào — Mừng — bé Diệu — Anh thương bé vô cùng — người yêu bé bỏng của anh. Hôm nay trời mù sương đó bé — Con đường dẫn bé đến trường có mù sương không Huế chắc đang có mưa Xuân. Anh đang sống những ngày buồn chán nhất của kiếp Linh. Anh vừa làm đơn xin đi Đông Hà — xa lánh cái thành phố nhơ nhớp này — Thành phố của những núi rác, của gái làm sô Mỹ, chạy theo Đô La. Nhưng người ta chối từ — anh lại tiếp tục sống lang bạt và nhớ Diệu vô cùng.

12 giờ đêm.

Phiên trực kéo dài, nửa đêm về sáng. Đại bắt bắt gần quá, đầu trên miệt Đô Xu. Chuyển xe Mỹ chở gái làm đêm vừa chạy ngang. Một xe tuần Quân Cảnh vụt qua như cơn gió lốc. Những vọng gác gõ đều nhịp canh — người lính khác xin mời thuốc — Lạnh không cậu? — Ạ — lạnh quá — những cơn gió Ạ — Cậu có gia đình chưa? Ạ — rồi — vợ 2 con. Khờ quá Trung sĩ ơi. Lương chưa lãnh đã hết. Gạo một bao tới hai ngàn rưỡi bạc. Cho vợ về quê thì mất an ninh — cho vợ đi làm sô Mỹ — ôi! chán lắm Trung sĩ ơi — mai mới phải nuôi một thằng da đen mũi lõ, mỗi ngày thiên hạ cười chê. Người lính im lặng ngó vào bóng đêm, mung lung. Mỗi thêm một thuốc, ngồi bệt xuống bực tức. Trung Sĩ vợ con gì chưa? Tôi hả? — chưa — còn độc thân — cậu ngạc nhiên hả? Tiền đâu cười — vợ bây giờ đây, nuôi mỗi miệng mình chưa đủ đòi nuôi thêm cậu. Bây giờ ít ai ưa cái bọn nửa Quân nửa Linh như tụi này. Trung Sĩ, nói rứa; chứ như này ông thiếu chi — Bỏ bịch ba lạng những thị được. Người lính cười. Con đường trước mặt chạy dài vắng lặng. Mấy con chó chạy rong — Nổi hoang liêu ủa ngáp. Một không khí ôn ả lạnh.

Những ngày xưa đó bé nhớ không. Anh đến chơi, căn nhà trong con đường Thành Nội im bóng hai hàng cây chuối — có cô bé Diệu tỷ teo đang nhẩy cò cò, đòi kẹo, đòi dẫn đi ăn kem — mỗi lần có anh Châu đến chơi. Bé thấy mấy anh chị lớn sường quá — có tiền tiêu. Hút thuốc lá đi chơi khuỷa về Ba Mã không la mắng chỉ cả. Bé thấy anh hay đi chơi với mấy chị học Đồng Khánh. chị nào cũng đẹp cả. Tóc thề chấm ngang vai. Đi học bằng xe đạp hay Vélo. Bé ước ao quá — lạy trời cho mau lớn — bé cũng sẽ học ở ĐK mặc áo lụa, đạp xe qua cầu Trường Tiền mỗi buổi sáng. Và nếu có ai theo, bé sẽ cười khúc khích với mấy đứa bạn cho coi.

Ngồi trường tìm đã bên bờ sông bên kia sao mà hấp dẫn rứa. Giờ nghỉ học mà ra dạo ở công viên trước trường, có những ghế đá những cây chuối, cây sầu đông khảnh khảnh đẹp phải biết anh Châu hí. Bỗng đi một dạo bé không thấy anh lại chơi. Anh Hoàng bảo — Thăng Châu nó đi lính rồi. Nó lang bạc lắm. Bé thì thấy anh có một vẻ gì bụi đời — Đầu tóc lúc nào cũng bờm xờm râu ria mọc cả lên. Có vẻ Xelibat lắm. Là một điều là mỗi lần gặp anh đi phố anh đều có một chị lạ mặt đi cạnh. Hỏi anh Hoàng anh bảo: Nó yêu giữ lắm nhưng nó là thằng khốn khổ nhất về tình yêu. Anh Hoàng thường nhắc đến tên một người con gái mà anh yêu tha thiết nhưng chị đó đã lấy một ông Bác sĩ: ...Em không biết mặt mũi chị đó ra rứa mà anh yêu dữ rứa. Có đẹp hơn bé của anh không hả anh Châu. Thôi bé đừng nhắc chuyện cũ của anh nữa mô, làm anh lại buồn. Có điều bé nói nhỏ với anh nghe. Anh đừng lồng bông nữa — và phải thương thật tình đó. Bé thương anh mà. Bé không giống như cái chị nào đó đâu. Kỳ ni bé sắp thi rồi đó, ôi cha lu bù loạn chuyện chơi mô — Anh ở trong nó vui không chắc là lướt lắm hí. Δ

1-3-70 SAIGON

TRẦN THỂ THUY: 1944

Chú Nhật. Lại thêm một tháng nữa bắt đầu, đời ta lại bước được bao xa? Nhịp sống cũ lại đều đặn như ngày tháng nào, toàn những điệp khúc buồn chán thôi. Ta chờ đợi một sự đổi mới, bất cứ một thay đổi nào đó cũng được, miễn là đưa ta ra khỏi ngõ hẹp tù túng này. Nhiều lúc tự giận mình tại sao không thay đổi một đời sống mới. Ta chán ngán những điệp khúc cũ lắm rồi, ta muốn dứt bỏ nó, cắt đứt ngày tháng cũ. Vượt thoát hoàn cảnh ao tù này, vươn lên một ngày mới trong ta. Nhưng sao sự chờ đợi của ta? Sự nỗ lực của ta chưa đến đâu hết. Thù tậ ta hết sức chán ngán những ngày tháng mòn cũ như thế này lắm rồi. Thay đổi nó hoặc là chết thể thôi, không có lý nào bắt ta. phải găm nhăm hoài ngày tháng cũ rích như thế này, không có lý nào đời ta phải chôn vùi mãi trên những căn gác xếp nóng thiêu như thế này. Vùi vùi trong tình trạng không lối thoát. Chim đại bàng đã gãy cánh rồi chẳng? Những phấn đấu của ta? Chưa nhúc nhích nổi phải không? Đời ta mãi như thế này sao? Có lý nào vậy? Những đêm nằm thao thức hoài không ngủ được, nghĩ đến ngày mai còn thấy mù mờ.

Mấy đêm nay tình trạng lại bắt đầu khó ngủ trở lại. Sau những ngày nghỉ Tết ở quê nhà, tâm hồn được yên ổn, thư thả. Đầu óc được thoải mái một ít. Khi trở lại Sài Gòn, tức là trở lại với cuộc

sống cam go, nhiều khó khăn trước mặt. Đầu óc bận bịu những chuyện đối phó với trăm ngàn khó khăn, khúc mắc đó cũng đủ bù đầu rồi. Còn đầu nữa thì giờ thư thả, tinh thần thoải mái để làm những chuyện khác, để dự định, mơ ước nhiều chuyện. chẳng hạn như hoạt động văn nghệ, sáng tạo những tác phẩm cho ra hồn. Phải cộng nhân đời sống ở Sài Gòn thật gay go, thật mệt mỏi buồn bực quá....

Sau khi hết bệnh trở dậy thì đối đầu với chuyện sinh sống cam go trước mặt mà thực tế đời đòi hỏi nhiều phấn đấu khôn cùng hơn nữa. Báo chí. Hay là báo đời? Vinh quang đâu chả thấy, chỉ thấy vất vả. cực nhọc bù đầu mà thôi. Sáng sửa đầu chả thấy, danh vọng đâu chả cần (chỉ hiếm vì yêu nghề, chỉ vì chút lý tưởng còn lại trong người thế thôi) mà toàn đụng đầu với khó khăn, phải chiến đấu gian khổ hơn nữa. Ôi đời sống nếu chỉ là mồ hôi, nước mắt, rách rưới... Như thế này mãi thì còn chi là thích thú, còn đâu là ý nghĩa cuộc sống, ý nghĩa của kiếp người. Nếu phải làm thân trâu ngựa mãi như thế này thì sống làm gì nữa. Chết còn sướng hơn.

Đêm nay lại thao thức nhiều, khó ngủ quá, nghĩ ngợi mông lung, cảm như đời sống Sài Gòn toàn nhọc nhằn. muốn về tĩnh lặng sống quách cho xong, một đời sống bình thường với tâm hồn thư thái hơn. Có lẽ như vậy còn hay, nhiều lúc cảm thấy thắm mệt với đời sống quay cuồng thác lũ ở đây.... Chúng ta là một bộ phận trong guồng máy khổng lồ này, không thể đứng yên mà được đâu. Phải chạy, phải quay lộn lộn, như thế mới đuổi theo được mọi người, mới bắt kịp. Vâng, đời sống Sài Gòn là luôn luôn phải chạy, phải quay tít như bánh xe, không thể khác hơn được... 7

13 GIỜ 2-3 ĐÔNG HÀ

HOÀNG UYÊN LINH

Chuyến xe đò đưa tôi miệt mài trên đoạn đường Huế Đông Hà dài gần 100 cây số. Ánh nắng bao phủ, ồm ồm lấp lánh xe chật chội. Đoạn đường vừa mới hoàn thành mặt nhựa còn láng bóng. Tôi bắt đầu thiêu thiêu khi xe ra khỏi thành phố, gió thổi lồng lộng qua toa xe, hành khách ngủ gà ngủ gật chỉ thấy mấy đầu lắc lư theo nhịp của chiếc xe, âm thanh từ từ miệng những người đang giấc ngủ chập chờn phát ra bị chìm dưới âm thanh ầm ỉ của chiếc xe. Trước mặt tôi, viên tài xế đắm chìm nhìn về phía trước, con đường chan hòa ánh nắng vàng, lóng lánh và chói chang trên mặt kính. Bảng ghi giá tiền nằm chênh vênh lơ lửng trên trần xe 144\$. Huế. Đông Hà. Tôi mỉm cười, vị chi là 150\$ chẵn. 150\$ đổi cho một đoạn đường gần 100 cây số chưa lấy gì làm đắt, thời đại thuế kiệt ước, tô phở 100\$, ổ bánh mì 30\$.

Ngày tôi trở lại Huế học, buổi cơm đầu tiên sau hơn nửa tháng nghỉ Tết, tôi đã nghe là chủ cơm tháng than van vì giá cả leo thang kinh khủng — Cậu nghĩ coi, gạo gì mà một xác đến 3000\$ mà phải chen chúc nài nỉ họ mới bán, tôm thì bán từng con, thịt bò sáu bảy trăm một ký... Tôi nghẹn hơ. Tiền cơm một tháng 3000\$, một ngày chỉ hai bữa. Điều này chắc phải tăng giá... Đi học sơ sơ một tháng cũng mất 5000\$. dù có tiêu rất dè xén. Người tôi nổi gai ốc khi được chủ tiệm café tính một ly café sữa 50\$, ổ bánh mì 30\$, vị chi là 80\$ cho một bữa điểm tâm. Thời đại giá cả tăng nhanh hơn phi thuyền Apollo...

Mấy chiếc xe GMC chở đầy nhóc lính chạy băng qua mặt, tiếng reo hò ầm ỉ, những bàn tay vẫy theo chiếc xe chúng tôi, tôi nhìn ở họ những niềm vui vô tư nhất. Tôi nghĩ đến bộ đồ trận họ đang mặc và những bộ Veston thẫm lỳ trong thành phố. Có lần tôi được nghe giáo sư công dân nói: Rồi đây một anh lính B II sẽ lãnh một tháng 4 tờ giấy 1.000 \$. Lương một tháng chỉ 4 tờ giấy... Người ta đã nói đến nạn lạm phát quá nhiều...

Tám bảng kê những hàng chữ đó đập mạnh vào mắt tôi: "Nhân dân Việt Nam ghi ơn các nước bạn đồng minh đã trợ giúp chúng ta chống nạn nghèo đói" Tôi nghĩ đến bảng chiết tính hàng năm của viện trợ Mỹ. Nếu đem tất cả số tiền viện trợ mười mấy năm qua chia đều cho gần 14 triệu dân miền Nam thì tất cả chúng ta đều có một cuộc sống khá đầy đủ...

Chiếc xe miệt mài rồi dừng lại trên đám đất nhỏ làm bến xe đầu cho thị trấn Đông hà. Hai dãy nhà kề cận bụi đỏ nhuộm kín những mái tôn trắng, phố nhỏ im lìm trong buổi trưa nắng chói chang, nắng chan hòa không thiếu sót nơi nào. Cuộc sống ở đây quá vội vã, buổi sáng đứng nhìn ra đường thấy bóng những người đàn bà đi chợ một cái vội vã, người ta không định trước được những viễn đại bác của phía bên kia đến với họ lúc nào. Người ta sống hấp tấp vội vàng với những bữa cơm cũng vội vàng với đồ hộp Mỹ. Những bảng hiệu mang tên những thành phố bên Mỹ mọc lên đầy dẫy, khi người Mỹ đến với thị trấn này, nhưng các cô gái áo quần lờ lợt, miệng nhai kẹo cao su tập tành những câu tiếng bồi nghe đến nhột nhột. Mỹ đã làm giàu cho thị trấn này bằng bom đạn.

Tôi kiểm chiếc xích lô, đoạn đường còn lại đầy bụi và ánh nắng làm cho tôi mỏi mắt. Tôi sẽ phải trả 150\$ cho một cuộc xích lô chưa đầy 2 cây số. Một học sinh tôi không thể nào so sánh về bạc tiền với dân làm Mỹ, tôi như bị bỏ rơi khỏi nếp sống xa hoa của thành phố chiến tranh.

Tôi trở về Đông hà để bắt đầu lại một cuộc sống đầy âu lo, sợ hãi với vang và những vật giá khởi hành bằng tốc độ APPOLO 11. Δ



23h. 2-3-70 MỸ THO

.....NGUYỄN ANH VŨ

Đêm nay, đọc lại cuốn *Bếp Lửa* lần thứ ba, mình thấy mỗi một lạ lùng ngẩn ngơ. Lẽ ra cảm giác này chỉ đến khi mình đọc liên tiếp nhiều quyển thật dày. Quyển *Bếp Lửa* chỉ có 127 trang, không có gì là dày lắm, kỳ lạ... Có lẽ tại mình đã gần bó mình với nhân vật trong truyện suốt từ đầu hôm đến giờ. "Hắn lớn lên trong cái thành phố đã mất, thành phố bị vây hãm như một hòn củ lao nổi chơ vơ ngay tan rã..."

Thực ra, thành phố này chưa tan rã đâu, nhưng đất dưới chân mình như sụp đổ từ từ... Chới với, Ngột ngạt. Đây là lần xúc động mạnh mẽ, kỳ hoặc nhất sau hai lần đọc trước.

.... Có lẽ mình không nên đọc cuốn sách này thêm 1 lần nữa — Cái "tôi" của Thanh Tâm Tuyền trong *Bếp Lửa* — rõ ràng — không có một lối thoát nào hết. Cái "tôi" đó đã ra đi với sự vô vọng triền miên. Chẳng lẽ, tuổi trẻ mình lại dấn vào con đường đó nữa hay sao. Không 1 nhất định là không. Đã đến lúc chúng mình không nên hay không có quyền chán nản — bị quan nữa — Chuyện "nở ọp" cuộc đời dù là vô vọng hay thật sự đi nữa cũng

nên xếp lại — Đã đến lúc chúng ta phải có can đảm "Giáp mặt cuộc đời" như Krishnamurti đã làm. Giáp mặt với đồ vật, với điều tạp. Từ chỗ "Giáp mặt" ấy chúng ta bắt đầu xây dựng lại trên đồ vật và điều tạp đó. Chúng ta hãy tin tưởng mãnh liệt như Trịnh công Sơn đã tin tưởng một sớm mai hòa bình sẽ tới trong Kinh Việt Nam — để cùng nhau xây dựng quê hương khốn khổ này...

Tiếng ca dồn dập trong đầu óc mình thật nồng nàn: "...Ngày mai đây binh yêu vì thịt xương đã phơi đồng xanh... vì giòng máu đã ngăn bạo cường... Đón đường về ngày mai, trường học dựng mọi nơi... ta sẽ tự phủ cường cho thoát cùm gông..." Δ

24 GIỜ. 04-03 TRÀ ÔN

TỪ HOÀNG ĐƯƠNG 23 tuổi.

« Còn gì sáng mai đây, khi ta không bạn bè »

Những Khai, Ninh đã bình an dưới đất để lại sau lưng bao sự xót thương cho người thân.

Những Tường, Viễn, Vinh... đang dần dần, tham dự vào cuộc chiến dai dẳng, cuộc chiến mà phần thiệt thòi, dành cho người Việt da vàng này gánh chịu.

Hôm nay chỉ còn có tôi, Nam, Tài, nếu năm cái Quân lý nhỏ bé này, và những buổi trưa nắng thiêu đốt, hay buổi tối nhẹ nhàng, chúng tôi đọc hành âm thầm.

Tuổi trẻ là gì? mong gì? chúng tôi chỉ mong có tự do và tình yêu, nhưng ở chốn này, những người con gái đem tình yêu đến cho tôi, cảm thấy mong manh quá, tại sao? Vì tất cả đều chạy theo tiền tài và địa vị. Trong khi chúng tôi không có danh vọng, cũng không có tiền tài gì cả. Vì bàn tay chúng tôi chỉ có mười ngón tay, những ngón tay gầy guộc không thể tranh dành với một xã hội đầy dẫy bọn lừa lọc. Đôi lúc tôi cũng tìm được một sự êm ấm trong tâm hồn, với phút giây nào kẻ bên người tình chân thật! Đó chỉ là hạnh phúc nhỏ nhoi thôi! Cho chúng tôi chỉ là một hạt bụi bám vào cành lá, thân cây, rồi chờ đợi người ta tưới nước lên lúc đó hạt bụi trở về nguồn gốc của nó là mặt đất! Cũng như nguyên thủy loài người là thú vật! Hạt bụi sánh với vũ trụ, huyền hoặc.

Bây giờ là 15 giờ ngày 4.3.70, giờ chúng tôi tiến bọn bay lên đường, tiễn những thằng bạn đi, mà trong túi không một xu dính túi, chỉ có sự uất ức trong lòng.

Tao nhìn khuôn mặt của mày, khuôn mặt thằng Tường, sự truy lạc với đôi mắt bất cần đời, xem tương lai là ảo tưởng.

Trước khi chúng mình từ giả, tao được nghe thằng Viễn nói một câu, sự xúc động trời dậy trong lòng tao.

— Bao giờ thanh bình, chúng mình sẽ gặp lại!

Viễn ơi! thanh bình, hai tiếng đó có gì là lạ; dù đối với một đứa con nít nó cũng biết và mong, nhưng tao lại nghe mơ hồ quá, biết bao giờ quê hương này được thanh bình, để tao được đưa người yêu về quê Ngoại với con kính xanh xanh, con đường làng với hàng dừa rợp trái, mái đình làng ẩn sau lũy tre xanh, chúng mình sẽ thấy quê hương thân yêu, bình dị! Biết bao giờ để cho chúng mình gặp nhau, dù gặp mấy với đôi nang gỗ, và sự tàn phế trên thân hình, một thân hình chịu 25 năm chính chiến, không bao giờ mấy được trở lại với tuổi ngày xưa, mà ngày nào chúng mình ngồi bên nhau, dưới một tàn cây, có ánh trăng xuyên qua kẽ lá, vui chơi, ca hát hay trao đổi ý kiến về cuộc chiến tranh tồi tệ này.

Viễn, Tường à! Buổi tối, tao được thấy dáng vẻ người tình, nhưng tao không được trông thấy khuôn mặt, người tình không buồn nói với tao lời nào! im lặng, Hoàn toàn, nhưng chúng mày đừng tưởng người tình bỏ tao nhé? Vì người tình tao thích yên lặng, cho tâm hồn trở lại với thế giới yêu đương ngày nào. Đôi lúc tao nghĩ. Đời chúng mình sẽ ra sao, khi một mai phải gục ngã trong cuộc chiến kéo dài lê thê này.

Chúng mình gục ngã cho Tổ Quốc ư! Không. Không thể được, tao muốn nói như Cung Tích Biền "Khi nào những thằng tham nhũng, những tên hoạt đầu chính trị dùng miếng ăn chết sạch đi, ngày đó

chúng ta có một Tổ Quốc để chết. Tao đồng ý kiến với Cung Tích Biền, cũng như chúng mày vậy, dù rằng có kẻ cho ta là thẳng ngụy biện, thẳng khùng đi nữa, mặc kệ họ!

Tôi không hổ thẹn với lương tâm, vì hôm nay tôi và gia đình đã dự phần vào cuộc chiến này rồi! với tư tưởng Quốc gia chân chính, có sẵn từ lâu.

Chiều nay, khi từ giả tại đây, tao và Nam xuống đò trở lại nơi quê hương sinh trưởng của mình, con đò lướt nhẹ nhàng trên giòng sông, nước sông Bassac hiền hòa, ngọt dịu, bình thản như nét mặt trẻ thơ, những lúc này tao muốn lột tất cả áo quần, để ngâm mình dưới sông mặc cho nước gột bỏ các vết nhơ trên thân thể, vất như 25 năm đeo đẳng đàng tặc này, một dân tộc tự hào có 4.000 năm văn hiến. Tao bỗng nhớ thơ của Huy Cận:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái, nước song song.

Phải rồi! tràng giang buồn quá, buồn cho 2 bờ sông đất lở lói, sụp đổ, những thân dừa cụt đầu, đứng chênh vênh, ứ đọng trong khoảng trống không gian, và buồn cho những thân cây đang tự nó chết dần mòn bởi chất hóa học thấm sâu vào cơ thể, cơ thể của cây và của loài người. Tao bỗng lo sợ cho đất nước ngày mai, sẽ không còn có gì? để một mai thanh bình, chúng mình hưởng thụ, vì hôm nay tuổi trẻ này chưa hưởng thụ được cái gì cả, mồ mả ta đã thấy chiến tranh, người ta thù hận chém giết, và đuổi bắt nhau trên cái vòng lẩn quẩn, có chăng hưởng thụ được những viên đạn, mảnh bom vô tình hay có tình ghim sâu vào các tế bào, mà cha mẹ đã cầu tao thành.

Tuổi trẻ chúng mình, với những thân thể gầy guộc, xanh xao, bị găm mòn dần trong cái thế giới ti tiện, chứa đựng những bộ mặt nhóp nhúa chỉ biết đuổi theo tiền và địa vị.

Không còn có gì đẹp đẽ, không còn có gì nữa, có chăng còn những giải khăn xô trên đầu và tiếng khóc nước nỏ, ngày tiễn con! tiễn em! tiễn người tình! tiễn nhiều lắm! tiễn một linh hồn đến nghĩa trang an nghỉ.

22 giờ 30, tao và những thằng còn lại, thu hình trong xô xính một quán cà phê nằm cuối con đường hun hút, cái quán quá quen thuộc với chúng mình, nhưng có điều lạ hôm nay người con gái với chiếc áo xanh dương, mái tóc cắt ngắn, không cười như mọi khi, có lẽ hôm nay, tâm hồn em bị giao động, người tình ra đi không giả từ, tình yêu tàn tạ như ánh đèn vàng, hắt hắt xuống con đường, vài âm thanh hỗn loạn, đặng xa tao trông thấy rằng cây trong sương, những con mắt hỏa châu, chớp chớp về nhiều đường sáng trên nền trời, trên rừng cây... trên một tiền đồn, trên cả những thân hình đang tranh nhau vì một lý tưởng, một lý tưởng xa xăm thẳm, như đường lên Hòa Bình, nhưng người ta vẫn cố thực hiện cho kỳ được, dù biết trước là vô vọng. Δ

5.3.70 HUẾ

NGÔ CANG

Sáng nay,

Trời xứ Huế bỗng nhiên thấy lạnh, sau những ngày nắng ráo khô cầu, thân thể. Hôm nay, tôi choàng vội vàng chiếc áo len cũ kỹ và bắt đầu lên đường — gió lạnh... 10 giờ:

Tôi đến nhà thằng Ô, chiếc xe đạp thoải hóa làm cho tôi mệt nhọc, sáng nay Ô đã đi rồi — tôi đến để cùng tiễn đưa — gọi là cổ tình bè bạn khi nó lên đường... Bao Vinh, nơi trú của hắn đó là một "Thị Trấn Miền Đông" theo bọn tôi thường nói; với chiếc cầu đơn sơ và ánh nghĩa quân canh gác. Thị Trấn không có gì. Một vài con đường tráng nhựa lâu đời, để lại những đống gà xối xối. Những quán cà phê chật hẹp, vang lên bài ca nghe như phản chiến của T.C.S. qua giọng Khánh ly... "Hai mươi năm nội chiến từng ngày, Gia tài của mẹ để lại cho con..." giềng ca ru tâm hồn chán chường thế cuộc; Thêm nữa, sự ra đi của thằng Ô làm tôi hoài nghi tất cả... Ô. Mấy đi thật sao. Mấy bỏ bà già — bỏ cả bọn tao mà đi. Thật là không ngờ chiến tranh nó làm cho những chán chường, những ưu phiền lên thay thế niềm vui...

Ô. Mấy ra đi, mang theo những gì, những viên tư tưởng chưa, đi làm lính Hải. Bộ máy "chính cải" (xem tiếp trang 11)

TÔI ngồi trước phòng phát giấy phép tại Đơn vị 3 Quân trị để chờ đổi cái giấy phép hai mươi chín ngày. Tôi xuất viện ba tháng trước đây với sự giám định của Hội đồng Y khoa: loại 3. Vết thương ngày cũ công với căn bệnh hiểm tại; nghĩa là một nửa thương binh cộng với một nửa bệnh binh khiến tôi trở thành một phế binh.

Tôi không còn là lính của đơn vị cũ; cái đơn vị mà người lính nào rồi cũng có thể trở thành chuyên viên. Chuyên viên điện ảnh, báo chí, chuyên viên phát thanh, ấn loát và cả đến những chuyên viên làm ca dao, khẩu hiệu nữa. Nhiều tay giải ngũ trước tôi, vốn được đào tạo từ cái là chuyên viên của quân đội này, đã thay đổi khác xa cuộc sống trong thời gian tại ngũ và trước đó của họ. Nghĩa là anh nào cũng khác cả. Có anh từng làm thứ trưởng, dân biểu, phân đồng trở thành kỹ giả, phóng viên, bết lăm cũng là một chuyên viên gì đó của các đài truyền thanh, truyền hình trong nước hay ngoại quốc.

Tôi ngồi đây. Tôi đã bán chính thức giả từ cái là chuyên viên ấy. Và trong một thời gian không bao lâu nữa, tôi sẽ giả từ gần mười năm binh nghiệp của tôi, giả từ những người bạn còn đang chiến đấu hay đã nằm xuống vĩnh viễn. Thời nhè, xin xi xóa tất cả hồi những vị chỉ huy thương tôi hay ghét tôi, hồi những thăng bạn thân ít hay nhiều nếu trong quá khứ tôi có điều gây cho các người sự phiền bức. Điều này thì không thể nào tránh khỏi, nếu không muốn nói là nhiều. Phiếm bức chút đỉnh thì xin bỏ luôn; phiền bức lớn thì cáo nhỏ lại. Hãy giảm khinh để sự phiền bức chỉ như một canh xi phé đã chiến mà tôi lỡ đánh thâu anh em. Xi đi tiền, nặn xem thấy tây bặt, lỡ đánh bèn đánh luôn, đánh cạn láng của mình. Anh em bỏ cho anh liên lật tây lên kéo rồi cười hề hề. Tướng mình đánh cao, mình khôn, nhất thời đắc chí vì cho là mình đã chơi trội được anh em. Đánh thâu hết láng đã bặt, lật tây lên chọc cả làng càng bậy, cười hề hề lại càng thêm bậy. Mọi lỗi lầm với nhau hãy nghĩ cho nhau ngang cội trạng như vậy thôi. Giận, nhưng ở mức độ còn có thể cười khi tan cuộc chơi thì chưa đến nỗi nào. Tôi thăm mong như vậy mỗi lần — như lúc này đây — tôi nghĩ đến một ngày thật sự giả từ tất cả.

Ngày phát và đổi giấy phép hôm nay vẫn đông. Lúc nào nơi đây cũng đông. Dễ thường cũng trên vài trăm riêng tại phòng giấy phép của những thương bệnh binh loại 3 chờ ra hội đồng miễn dịch. Bốn, năm ngày liền như thế này mỗi lần giáp một kỳ phép. Có ai trách móc gì thì không biết, nhưng riêng tôi, tôi thấy không thể có một đơn vị hành chánh nào của quân đội mà người lính làm việc đầu tắt mặt tối hơn những quân nhân tại đơn vị 3. Phòng nào, ban nào cũng chật ních những người. Các bàn giấy bị vây kín bởi lớp lớp thương bệnh binh hay thân nhân của họ. Các quân nhân cơ hữu một nhồi trước những chồng hồ sơ, những ngăn giấy phép bằng loại bìa cứng màu đỏ.

Cả mấy lần tôi đều phải chịu nhận giấy phép muộn hơn mọi người. Dù sao thì tôi vẫn còn khá hơn những anh em dui mù, cụt tay chân, lăm người phải di chuyển bằng loại xe đặc biệt của sở chính hình. Làm sao tôi có thể chen lấn những anh em đó để cho mau xong công việc của mình?

Tôi ngồi hút thuốc lá hơi nhiều. Ván bastos xanh bên kia khoảnh sân nhỏ, trên tường có kẻ những câu ca dao dành cho quân nhân loại 2 — Cờ bay điều giấy cũng bay, quân nhân được xếp loại hai yên lòng, chọn nghề nghiệp, học hành xong, việc làm có sẵn thông dong mọi bề — A! lại một tay chuyên viên nào đây. Hơi ca dao có vẻ quen quen, vừa phải. Chữ loại hai màu đỏ nổi bật giữa những hàng chữ xanh đậm như một sự lưu ý, hướng dẫn. Tôi không thuộc loại 2. Những anh em cùng chờ đợi với tôi hôm nay cũng vậy. Chúng tôi cùng loại 3. Giải ngũ với loại này, người phế binh và vợ con họ được trợ cấp ba tháng lãnh một lần, con họ được

hưởng chế độ quốc gia nghĩa tử và họ khỏi làm nhân dân tự vệ. Đó là tôi nghe nói như thế thôi chứ không tìm hiểu tằm gì vì lương chính thức vẫn chắt tôi đầu hướng chỉ là trợ cấp, và khỏi làm nhân dân tự vệ đầu chắc đã hơn ai? Tôi không bận tâm về những thứ ấy mặc dù những ngày như thế này tôi có rất nhiều suy tư. Phần lớn suy tư là sự ngóang lại con đường chiến binh mà mình đã đi qua. Hai thời kỳ làm lính nhập ngũ và tái ngũ gần mười năm. Trên con đường dài ấy, có những đoạn ung dung bước một vài chỗ vấp ngã, đôi nơi dừng lại để thấm thía những mất mát của tuổi đời mình trong tuổi cuộc chiến. Dĩ nhiên là mình không tính toán lời lỗ với tập thể của mình, với đất nước. Làm như vậy là thiếu ý thức nếu không muốn nói là ngu xuẩn bởi lẽ càng tính càng thấy thiệt. Công, hầu, khanh, tướng nào, bạc vàng, lụa gấm nào có thể trả lại màu xanh cho mái tóc chàng Siêu! Một con bạc thua nhẵn túi vẫn có quyền nghĩ là "của đi thay người", là "đen bạc đồ tình" để tự cho hân cái ảo tưởng không bao giờ thua.

Tôi nhìn khắp một lượt những khuôn mặt chung quanh tôi. Trông họ vẫn như thường. Chẳng biết có ai suy nghĩ như tôi không? Họ buồn hay vui? Họ đang làm những việc gì trong thời gian chờ đợi này và sẽ làm gì trong những ngày tới? Tôi muốn hỏi từng người để có một đức kết nhưng dĩ nhiên là tôi không thể làm như vậy.

Một anh lính của phòng cấp phép số vươn cao người lên nói lớn với đám đông:

— Anh em tản ra ngồi chơi chờ một lát nữa, giấy phép trình ký chưa xuống.

Đám đông « ồ » lên một tiếng và mọi người dạt ra, đi lung tung. Tôi vẫn không rời chỗ ngồi lúc này trở thành một vị trí tốt khi không cần phải chen lấn nữa.

Một anh lính Biệt động quân trẻ măng bước lại gần tôi:

— Anh cho tí lửa

Anh ta nói tiếng Huế. Cánh tay áo buông thõng, rộng xàng xính khiến tôi không thể xác định là tay anh bị cụt từ chỗ nào.

Tôi bật lửa. Anh kẹp điều thuốc lá giữa ngón cái và ngón trỏ của bàn tay phải đưa một đầu vào vào ngọn lửa nhỏ. Đầu điều thuốc cứ rung như anh đùa chứ không muốn châm trúng vào ngọn lửa nhưng lẽ ra sự tình nghịch ấy thuộc phần tôi, nếu tôi có ý đó. Tôi phải đưa ngọn lửa nhỏ theo đầu điều thuốc rung lia lịa của anh nhưng tôi càng làm như thế anh càng chăm trật.

— Mẹ mày! Cứ rung hoài!

Anh cần nhẫn với cánh tay của anh rồi cười xòa, phân trần:

— Tay của tôi khó thương vậy đó. Buồng thông thì thôi, hề cầm vật gì thì nó rung loạn cả lên. Xin lửa mà ngậm điều huốc vênh vào trên môi để người ta châm cho thì xác quá. Anh cảm phiền...

Anh ta gắp điều thuốc lên môi. Và lúc này điều thuốc mới chịu để yên cho ngọn lửa châm vào.

— Bị sao vậy? Tôi hỏi.

Rít một hơi thuốc dài, nhả khói, anh lim dim mắt đáp lời tôi trong nỗi thích thú của một tay khoái đùa với chất nicotine:

— Chụp lựu đạn của tụi hân liêng trả lại nhưng không kịp. Cụt một tay còn một tay đứt gân.

— Lâu chưa?

— Tháng sáu năm ngoái. Mẹ! Ruby mắc quá trời! Tụi gian thương chết bầm! Hút hết gói này bỏ luôn.

Tôi phì cười vì mấy đầu ngón tay vàng khè của anh không cho phép tôi tin lời tuyên bố hung hãn đó.

Bỗng tôi chú ý tới bảng tên nơi ngực áo của người thương binh trẻ: Tôn Thất Tảo. Cái tên và giọng Huế của anh khiến tôi ngỡ như đây là một người quen hay ít ra cũng là một cái tên quen được lưu trong ngăn kín của tiềm thức tôi đã từ lâu.

— Anh ở ngay tại Huế?

— Vâng.

— Vùng nào?

— Đầu dốc Nam Giao, chỗ bến xe Từ Đàm đó.

— Vậy hả? Tôi có quen một người ở đó, lâu lắm rồi, chẳng biết bây giờ ra sao?

— Ai vậy anh? Anh nói là tôi biết liền. Tôi ở đó từ nhỏ tới lớn mà.

— Thương sĩ Tảo. Tôn Thất Tảo.

Tảo—tên người thương binh—trố mắt nhìn tôi, hỏi mau:

— Ủa? Anh quen với cha tôi à? Thương sĩ Tảo là cha tôi đó.

Tôi nắm chặt bàn tay Tảo:

— Thấy tên anh, tôi hơi nghi không ngờ lại đúng. Hồi mới nhập ngũ tôi ở cùng đại đội với Thương sĩ Tảo. Có lẽ bác đã giải ngũ và hiện giờ bác làm gì, vẫn mạnh khỏe chứ?

Một thoáng buồn hiện nhanh trên đôi mắt, trên khuôn mặt trẻ măng của Tảo. Anh ta khẽ rút tay khỏi tay tôi, cầm điều thuốc đang hút dở ném xuống đất, tiếng rơi của anh trầm xuống, chậm chậm:

TUÔNG LINH



NHỮNG NGÀY RỘNG

— Cha tôi giải ngũ đã lâu và bị mất tích hôm Tết Mậu Thân. Năm ngoái, chỉ tôi lăm tìm được một bộ xương trên suối Đá Mài, bộ xương còn vương sợi dây chuyền có tượng Phật cha tôi thường đeo nhưng chẳng biết có đích xác đó là hài cốt cha tôi hay không.

Tảo thở dài sau câu nói. Tôi quên tỏ lời chia buồn với Tảo ngày lúc đó mà nói:

— Đồng bào Huế chết nhiều thật! Lâu lâu, tôi hỏi thăm một người quen thì lại biết họ đã chết. Mất tích cũng kể như đã chết. Hồi đó, bác thương bọn lính mới chúng tôi lắm.

Tảo ngồi xuống bên tôi:

— Hồi anh ở ngoài đó chắc tôi còn nhỏ xíu?

— Vâng, chỉ của Tảo còn nhỏ hơn tôi nhiều kia mà.

Tảo ngồi thẳng người lên:

— Vậy mà bây giờ anh em mình đều là lính cả. — Và cũng đều là phế binh cả nữa chứ!

Tảo cười khẩy, lấy thuốc lá ra...

Thương sĩ Tảo — cha của Tảo — có thể nói

Mà nhà đầu đất đầu tiên của tôi khi tôi mới bước vào ngưỡng cửa đời lính. Lăn nhập ngũ trước, đứng là khi ngưng súng, tôi đi lợ ngợ tại Đà Nẵng thì bị Tây nó tóm, bắt vào lính. Hồi ấy chúng bắt lính hăng lắm, mặc dù đã thôi đánh nhau. Về sau, tôi được biết rằng lính Việt đào ngũ nhiều quá, Tây phải bắt lính mới điền khuyết trước khi bàn giao các đơn vị lại cho chính phủ Việt Nam.

Đại đội lính mới chúng tôi được đưa ra Huế đồn trú tại một doanh trại bên kia dốc Nam Giao. Thượng sĩ Tào là trưởng đại đội. Ông được anh em gọi là "ông già" gần. Gần, có lẽ vì cái thành tích đánh giặc rất chỉ của ông nhưng phần lớn cũng vì khả năng sản xuất tí nhau của ông nữa. Những lúc trò chuyện với bọn lính mới chúng tôi, ông thường than nghèo và già, nhưng mỗi năm một lần, ông được nghỉ phép bốn ngày đều đều. Hết phép, tôi đơn vị là ông già gần lại nhờ bọn tôi đánh máy tung bưng bán sao giấy tờ hệ tịch cho tí nhau vừa chào đời của ông. Trí nhớ của tôi cũng không đến nỗi tệ lắm nhưng thật tình mà nói, tôi không thể nào nhớ một cách tương đối chính xác về số con của ông. Chỉ biết là đông lắm. Cách đặt tên con của ông cũng ngộ nghĩnh hơn kẻ khác. Ông tên Tào. Lũ con ông — tính theo hệ thống dọc từ trên xuống — mang tên Tào, Tào Tào Tào, Tào và khi đã bí đường, những đứa sau được chuyển sang thành những Thao, Thảo v.v...

Tuy nhiên, biệt danh "ông già gần" vẫn chưa có gì độc đáo bằng mỗi lần có ai nhắc tới bốn tiếng "bí mật ghê thê" tới Thượng sĩ Tào. Chúng tôi không thể nhịn cười khi được nghe những tiếng có vẻ là tên của một cuốn sách loại học làm người.

Số là, hồi ấy quân đội còn được rảnh rang lắm. Bọn lính mới chúng tôi ban ngày đi tập, ban đêm có thể đi chơi khắp thành phố Huế đến mười giờ đêm hay hơn nữa. Ai có nhà ở gần được phép về với gia đình vào những giờ nghỉ việc vào ban đêm, đều không trực gác. Thượng sĩ trưởng đại đội Tào cũng tã tã với nếp sinh hoạt tương đối dễ dãi ấy. Nhà ông ở gần bến xe Từ Đàm, giữa dốc Nam Giao. Nơi này là điểm xuất phát của người trong gia đình ông vào mỗi buổi sáng. Sáu giờ lũ con của ông chia làm hai tốp. Tốp lớn theo mẹ đi chợ để đến các trường trong thành phố Huế. Bọn này xuống dốc phía bên kia. Tốp nhỏ theo cha đi lên đồn để đến trường mẫu giáo. Nửa dốc Nam Giao phía lên là của chúng. Bọn tôi gọi đó là cái cảnh "vợ chồng bà Âu Cơ" chia một nửa con mang xuống miền, một nửa đem lên rừng nhưng vì mỗi bên chưa có đủ túc số năm mươi con nên họ cứ dẫn đi, dẫn về mãi.

Một đêm, mới tám giờ, thành phố Huế và các vùng ngoại ô lạnh buốt vì những cơn mưa dầm. Lệnh tập hợp của Trung úy Đại đội trưởng bắt ngời ban xuống. Bọn lính mới chúng tôi có mặt ngay tại sân cờ với đầy đủ thành phần quân phục mùa đông của đệ nhị quân khu. Chính Trung úy Đại đội trưởng cầm bản quân số điểm danh từng người. Thiếu mặt thì hơi nhiều nhưng đáng kể nhất là cái khoảng trống vắng không thể trống vắng của Thượng sĩ Trưởng đại đội.

— Thượng sĩ Tôn Thất Tào ?

Im lặng.

— Ông già gần !

Những tiếng cười rúc rích trong hàng quân.

Sau hai lần gọi tên — cả tên thật và biệt danh —, Trung úy Đại đội trưởng cười gần :

— Thường vụ lại thành thường... dù rồi. Hèn gì mà cứ sồn sồn năm một ! Cậu nào đi gọi ông già gần cái nào ?

— Tôi !

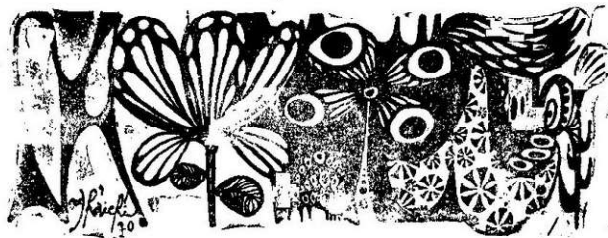
— À, Thọ. Đi gấp nhé !

Chúng tôi đứng đợi dưới mưa độ nửa giờ sau thì Thọ hét hải chạy về đồn nhưng không có Thượng sĩ Tào. Thọ đứng nghiêm báo cáo tình hình :

— Thưa Trung úy, Thượng sĩ Tào không chịu đi ạ !

Xem tiếp trang 10

LAN SƠN ĐÀI



NGÀY QUÊ HƯƠNG BUỒN BÃ

1.—

Mai em về miền tây
qua ngang bắc cần thơ, mỹ thuận
nhớ nhìn hộ anh
mấy dòng nước biếc
buổi sớm còn sương chỗ nhiều chỗ ít
em nhớ nhìn hộ anh
mấy bác thuyền câu
phía san hàng cây cật bần dừa nước
lúc nắng vàng lên
em nhớ nhìn hộ anh
hai bên bờ cát
từng chiếc thuyền nan
chờ cá chờ tôm
chờ chà chờ lưới
chờ lịch chờ lươn
chờ đụn chờ lát
chờ đồng bào ta đi họp chợ làng bên
khí bóng chiều buông
em cũng chờ quên
nhìn hộ anh
vài ba đám khói
ngoài giữa sông xanh
nơi mây cù lao vừa nổi
ở đó đồng bào ta sống rất an vui
đêm đêm thấp đèn soi cá
câu cầm câu giăng nhiều đêm trắng tỏ
thuyền lưới đi em có thấy chăng
đồng bào ta lam lũ quanh năm
em nhớ nhìn hộ anh
nhìn cho thật kỹ.

2.—

Mai em về miền tây
nhớ nhìn hộ anh
những điều sẽ thấy
hãy nhìn hộ anh
đừng mặc cảm, ăn năn
(năm mười năm đó coi như chu kỳ cộng thêm chu kỳ bị ướp công kháng chiến)
anh cũng thế như một loài rong biển
5 mười năm em biết đó được gì đâu
khởi hành từ đồng bằng vác tạc đạn khắp rừng sâu
nào khác chi em đã ăn nằm với từng vết lính mý
chúng ta một lũ chung buồn vui phí lý
5 mười năm cơn gió lạ nào đau
muốn nhìn anh em để cảm thông nhau
nhưng giá cả hận thù tình thương đặc quá
mỗi người chúng ta mỗi tình cầu lạ
nên cũng đành vừa hủy diệt vừa tìm quen
như anh bây giờ vừa giết người vừa nói yêu em
như em vừa làm đi vừa yêu anh tha thiết
chúng ta đã biết chúng ta còn biết
thời bây giờ hãy sống tạm chờ qua

như ngày mùa đông
như mùa hè cát bay vàng gác xếp
hãy về đó em yêu đừng bi thiết
nhớ nhìn hộ anh, nhìn thật kỹ hộ anh

3.—

Mai em về miền tây
làm gì cũng tốt
nhưng hãy nhớ ghé thăm
khu vườn nhà ta mười năm không bàn tay xới, cuốc
nhớ đừng thối mắc phí công
dặn lũ trẻ nhớ lệ làng như mây móc
nhảy xuống nhảy lên dưới hầm dũ nghe chim hót
10 năm qua rồi chúng có thể nào quên
đừng hồi lip dũ lip mận lip chanh
lip xoài lip cam lip bưởi
mấy chục mùa rồi sao chẳng trở bóng
vườn mướp vườn thơm mồng cầu phía kia sao
dây dây hồ lớn
sao không nghe chim chích chòe đùa giỡn
chim quyen đầu, sao không xuống đất ăn trùn
mộ ai nhiều lớn nhỏ dọc ngang
sao vườn mai không một nụ hoa vàng
hoa bông búp hoa quỳ nằm khô trên cỏ úa
hoa cau héo tã dũ trên lá bừa
đừng ngần ngại em hãy tập biết quạ
hãy tập như anh từng tập yêu em
em yêu dấu nhớ dùm anh đã trót

4.—

Mai em về miền tây
nhớ hái cho anh nắm ớt
ớt sừng trâu trái đỏ trái xanh
ớt hiểm màu vàng màu tím
uống rượu nếp than
ăn cho đã iệt
uống rượu đậu nành
vẫn từng điều thuốc rẽ
thay miếng "phở mai"
tưng chổng bia hộp
thuốc lá sa lem
mỗi sớm mỗi chiều
quên mùi để quốc
quên phận gia nhân
em yêu dấu nhớ dùm anh như sấm giáng

5.—

Mai em về miền tây
nhớ nhất hộ anh một ít rơm khô
dệt áo tơi qua từng mùa mưa nắng
thay áo nhà binh rằn ri nặng lắm
làm nón đội chơi thay mũ sắt mũ lưỡi trai
khui ngồi xuống đi bắt ốc hái rau
chạy tung tăng gài dây chim bầy chuột
đào hang bắt rắn bắt cua
ăn thay thịt bò thặng dư mỹ quốc
em nhớ nhất hộ anh
càng nhiều càng tốt.
nhớ dùm anh em yêu dấu ta ơi. >

NHỮNG NGÀY RONG

(tiếp theo trang 9)

Trung úy nhìn Thọ với tất cả sự ngạc nhiên :

— Hay ! Ông trời ấy bảo sao ?

Thọ trình bày tỉ mỉ hơn :

— Thưa, tôi đến nhà Thượng sĩ Tào thì chỉ thấy một ngọn đèn leo lét phía trước mà không có ai cả. Lũ con ông ta cũng ngủ hết. Tôi bước vào và lên tiếng. Mấy giây sau, từ trong buồng, Thượng sĩ hỏi vọng ra : — Cái chi rứa Thọ ? — Báo động, Trung úy cho gọi Thượng sĩ lên, dồn gấp — Chi mà gấp ? Giặc giã mô mà báo động ác ôn rứa ? — Tui đâu có biết, Thượng sĩ là thường vụ mà. — Thường vụ cũng có hồi chớ, mi nói lạ, về đi ! Trung úy lại hỏi :

— Thế ông ấy có ra gặp cậu không ?

Thọ lắc đầu :

— Thưa không, từ đầu đến cuối ông vẫn ở trong buồng mà sao giọng nói của ông có vẻ phều phào lắm.

Trung úy đại đội trưởng mỉm cười. Ông dặn dò chúng tôi một số tiêu lệnh mới. Lúc gần giải tán thì ông già gần đạp xe tới. Ông chụm chân chào Trung úy :

— Xin lỗi, «m» đến hơi trễ à !

Trung úy dẫn giọng :

— Thế này mà hơi trễ à ? Tôi đã cho người gọi, sao Thượng sĩ không đến ngay ?

— Thưa, «m» bận...việc nhà à !

— Bận gì ? Thọ nói Thượng sĩ ở trong buồng mà ? Ông già gần áp ứng không đáp. Trung úy lại tấn công luôn :

— Tại sao Thượng sĩ không ra nói chuyện với Thọ mà cứ ở mãi trong buồng ?

Ông già gần nhìn nhanh về phía chúng tôi rồi trả lời Trung úy Đại đội trưởng bằng một giọng yếu hần đi :

— Thưa... khó ra trong lúc ấy, lắm. Vì rằng đang lộ dở cái chuyện... bí mật phụ thể à !

Cả đại đội cười vang, không ai còn có thể giữ nổi trật tự nữa. Trong hàng một thẳng rành nào đó hết tướng lên :

— Lật bạt như vậy mà còn nghĩ mấy chữ hay thiệt !

Trung úy Đại đội trưởng nhìn ông già gần từ đầu đến chân rồi bật cười xòa.

Từ đó, bí mật phụ thể trở thành một động từ, một tiếng lòng không mấy bí hiểm của đại đội chúng tôi dùng để chỉ cái sự việc linh kinh rất «người» ấy. Ông già gần phải chịu đủ cách phá phách, đùa nghịch của bọn lính mới ranh mãnh dưới quyền ông bởi chính tiếng lòng đó, ông phát minh...

Mới đó mới đây mà đã mười lăm năm ! Thượng sĩ Tào đã không còn nữa. Thế hệ lính của ông đã qua. Thế hệ lính của tôi và con ông sau tôi mấy năm cũng xem như sắp qua. Đại đội lính mới của chúng tôi ngày xưa chắc không còn lại bao nhiêu người. Những Toàn, những Phương, Tín... đã lần lượt gục xuống trên nhiều chiến trường.

Còn tôi, với vết thương sớm nhất nên được về ở tại hậu cứ lớn Sài-Gòn như một sự trú ẩn an toàn. Tôi tự thấy mình là một chuyên viên hơn là một quân nhân dù đã hạ xuống một độ thấp để gọi là lính thành phố. Một quân nhân đủ nghĩa không thể sống nhờ sự che chở của những quân nhân khác. Đã nhiều tháng năm, tôi làm công việc chuyên môn của mình dưới sự che chở ấy. Thế mà cũng cứ bị bệnh để trở thành phế binh thì chẳng biết nói sao !

Cứ nghĩ đến những anh em đã chết thì thấy mình còn hơn nhiều người. Tôi nói với Tào đang ngồi hút thuốc lá bên cạnh :

— Thế cũng còn may nhiều đó Tào à !

Không hiểu ý tôi, Tào đáp :

— Hôm ấy nhờ cái áo giáp và chiếc mũ sắt chứ không thì đã xong rồi.

Tôi cười và không muốn nói rõ ý nghĩ của mình làm gì vì Tào còn trẻ quá, loạt thương tích tuy lớn thế kia nhưng đó mới chỉ là vết thương thứ nhất của đời anh ta. Có đau đớn một lúc rồi thôi chứ chưa thấm, không nhức buốt triền miên. Hay để cho Tào yên.

BA tháng nghỉ tại gia, tôi không làm được việc gì cho ra hồn. Vài tuần lễ đầu còn thích thú vì không phải bận rộn với công việc như bao năm qua, nhưng sau đó là khoảng trống ghê gớm. Lại thật được tương đối rảnh rang nhưng cố viết cũng không thể viết được gì. Anh Tổng thư ký tờ tuần báo đáng lẽ tôi có ít nhiều trách nhiệm góp mặt từ đầu đến cuối bài hoàn nhưng tôi phải hẹn mãi. Toàn là những bản thảo viết dở dang, không có hồn. Làm thơ càng khó hơn. Bình tĩnh đọc lại những gì mình đã viết mới thấy còn nhiều điều không thể hài lòng. Do đó, sự thận trọng đã gây nên tình trạng khó khăn, tác nghẹn.

Có thì giờ, tôi đem tất cả sách và bản thảo của bạn bè ra đọc lại. Hết tác phẩm của anh em lại nghiên cứu giáo lý đạo Phật. Từ nhỏ, mỗi tháng đều nhớ ngày ăn chay nhưng tôi không thuộc một câu kinh và bây giờ mới tìm hiểu đạo. Tôi ăn chay vì thương mẹ tôi hơn vì Phật. Tôi không vội vã tìm hiểu đạo Phật làm gì vì nghĩ rằng ông bà tổ tiên mấy đời theo đạo Phật thì các vị tiền bối đã chọn một cách kỷ lưỡng rồi. Mình là con cháu, cứ thế mà theo. Bây giờ nghiên cứu giáo lý để càng thêm ngu ngơ như mình là một hạt cát vô nghĩa lang thang trong thế giới ba ngàn. Tâm kiến thức thì lè tè mà giáo lý lại quá mênh mông Niết Bàn, Cực Lạc thì xa mà mình thì què quặt kiểu này bỏ sao cho tới ! Đấng Chí Tôn có thương thì đưa tay ra mà nhắc hộ lên, bằng không thì đành chịu vậy. Cũng như, tại cõi trần lụy này, nếu không may mắn trúng độc đắc cả cặp thì thôi chứ tài cán cỡ này làm sao có thể giàu được ?

Đọc Đường thi trong đêm khuya vẫn còn là một thích thú. Càng đọc, càng thấy mình dốt về chữ nghĩa hơn, ấu trĩ về kỹ thuật hơn. Tam quốc

chỉ còn xài được nhưng tôi phải vứt bỏ trọn bộ Thủy Hử vì nổi xung cái đoạn kết của nó. Văn nó cho kẻ thống trị vì thứ bả gì đó nhưng cũng phân nào thôi chứ ! Cũng cố ngai vàng cho một anh vua nhưng sao lại bằng cách bôi bẩn sự nghiệp liệt oanh của một trăm lẻ tám vị anh hùng ?

Cận tết vừa qua tôi đưa đám tang Song Linh. Lại thêm một người bạn văn nằm xuống trong điều kiện của tử sĩ ! Xế trưa, Nghia trang Mạc Đình Chi năng gât. Ngoài tang quyến và đơn vị, còn có những khuôn mặt bạn bè đêm chiêu hồn xuống lòng huyết mộ Nghiêm : Tô Thủy Yên, Huy Phương, Nguyễn Nhơn Phúc, Huỳnh Văn Phú... Trong tang phục, Tuấn Huy bận rộn và buồn. Nguyễn đình Toàn đứng gần di ảnh Nghiêm, mặt râu rầu, mồ hôi chảy dài trên đôi gò má gầy. Có thể nói Toàn là người luôn luôn hiện diện trong những đám tang của anh em làm văn nghệ chết và chôn tại Sài Gòn.

Một năm trước đây, tôi được tin Y Uyên chết trận giữa lúc tôi phải sống cách ly với mọi người ngót năm tháng trời. Buổi chiều về tới Dakao, thấy Khởi Hành bộ mới số ra mắt liền mua ngay một tờ. Vừa đi vừa đọc vội cái tin Luân Hoán — người bạn thơ đồng hương — bị mất một chân trên chiến trường Quảng Ngãi. Vừa gấp tờ báo nhét vào xác liền gặp anh bạn nhà binh cho biết họa sĩ Chí Ngộ bị tử nạn chưa đầy tuần lễ. Non tháng sau, một cú điện thoại của Chu Vương Miện cho biết nhà thơ đồng hương khác, anh Phan Trước Viên, đã tự tử chết. Cái chết của Viên thật im lặng, đến nỗi cho đến đây giờ những người quen của anh tại đây cũng không biết là anh tự tử bằng «phương tiện» gì ?

Anh em dễ dàng mất nhau như vậy sao ? Nhưng rõ ràng là như vậy, biết sao !

Càng buồn càng thấm thía những câu thơ của Y Yên :

...hỡi bạn đồng âm ngày nào

rời đi đâu hết

ta ngồi cố đơn thời vào chai rỗng

âm vang cực hình

BUỔI sáng, buổi chiều, tôi co ngồi lại bàn viết, cầm bút lên nhưng chỉ để vuốt ve, ngẫm nghĩa xấp giấy trắng một lúc rồi thôi. Một sự tác nghẹn nào đó thật vô lý nhưng vẫn còn thường trực. Con đường trước nhà lúc nào cũng ậm ỉ tiếng xe và tung đầy bụi. Tôi đã thấy mình phảng phất nhiều nét vô duyên trên khuôn mặt mỗi lần đối bóng trong gương.

— Giải ngũ, cậu làm gì ? Tôi sợ phải trả lời câu hỏi đó vì tôi chưa biết mình sẽ làm gì. Tôi chưa định, chưa tìm. Dĩ nhiên là khi trở về cuộc sống dân sự, lợi tức tôi tìm được sẽ khá hơn lương nhà binh, không gặp những bận rộn chết người của kẻ mặc quân phục, nhưng sự «dễ thở» ấy có chắc sẽ làm cho tôi hài lòng không ? Tôi chưa tiên đoán được câu trả lời.△

VIỆT - NAM THƯƠNG - TÍN

● thực hiện mọi dịch vụ ngân hàng và hối đoái

● tiếp đãi ân cần và lịch sự

mộng Nước non lắm sao... Ồ. Yêu nước nhĩ l... Với sức học non kém. Mày phải yếm ngã ở chiến trường và để cho bọn tao lên lời đưa tiễn... Một đêm đen nào đó, Tao chờ mày về đây, đừng vội quên cả bọn nghe Ồ...

10 giờ 30:

Ồi và Ồ khởi hành; hẳn ra đi trông sao mà dễ chịu quá. Nó vui vẻ nhận lấy sự việc trước mặt nhưng nó đang khóc âm ỉ ở tâm tư, cũng như chúng tôi đang khóc cho sự ra đi của hẳn. Tôi đã khóc thật sự, những giọt nước mắt lăn dài trên má, xuống môi và tôi bắt đầu nhận lấy cái mặt cay, cũng như Ồ đang sắp nhận cái mặt cay của biển, của trùng khơi...

Đang trên đường đến Trại Tây Kết tôi nảy ra mấy thơ:

Sáng nay đưa tiễn bạn đi
Nghe lòng vắng lạnh chia ly một lần...
Bạn đi! Lành lành hải quân
Tôi còn ở lại đêm thăm thời gian...

Và tôi vội vàng thốt lên để tặng Ồ. Giọng tôi không hay nhưng cũng đủ ám mỗi chuyên qua cho hẳn những ray rức tâm tư. Tôi cảm thấy lạnh thật. Con gió của Trời đang tạt qua, mang theo thứ lạnh mùa Đông còn sót lại. Ở Huế là thế. Hễ nắng là nóng cả lên — và hễ mưa thì ời thôi là lạnh...

11 giờ.

Bọn tôi đến Trại Tây Kết. Nơi nhận những thăng ra đi làm bạn sông hồ. Nơi đó, đã vô tình dầy dụa biết bao thăng lia bỏ gia đình, bè bạn để lên đường — Tây Kết. Tôi và Ồ đứng trước cổng mà "nghe lòng vắng lạnh". Trong sân, ngoài cổng đông đảo những thăng xách gói hành trang, già từ thành phố để mang theo những kỷ niệm khôn cùng...

Có những cô áo màu rực rỡ xen lộn những tà áo trắng nữ sinh, mấy nàng đi tiễn đưa người yêu — Ồi! Tôi thấy lòng uất nghẹn — Thăng Ồ, cũng có người yêu sao không thấy đến đây với hẳn, trong giờ phút sau cùng... À, mà hẳn lại khác, hẳn yêu người ta chứ còn ai đó, xem hẳn như là thứ dọc đường xó chợ, vậy thôi. Thật khổ đau cho những thăng tình si... Cô Hiền, tên người hẳn yêu vô cùng. Thế nhưng! Hẳn đành tuyệt vọng thốt tên Hiền trong u sầu cô độc, trong chất chứa nghẹn ngào. Ồi! Chỉ có Thương Để mới thấu hiểu những tâm hồn bệnh hoạn...

12 g. Tiếng loa phóng thanh, kêu gọi các thăng có tên sau đây: «Ồ, Thành, v.v...» vô trình diện và chuẩn bị lên xe vào Đà Nẵng...

Tôi cầm vội tay Ồ, thốt lên câu: «Mày đi mạnh giỏi nghe Ồ, nhớ thư về tao nhé. Mày đi tao buồn lắm. Mất mày, tao như mất bớt linh hồn...» Hẳn siết chặt tay tôi, đôi mắt nghẹn ngào. Hẳn hàng lệ rơi, rơi mãi trong vô cùng đau khổ... Thế là xong. Đoàn xe đang rục rịch chuyển bánh, những cái ngoác tay, tiếng chào tạm biệt nghe ồn ào một bầu không khí khó thở...

12 giờ.

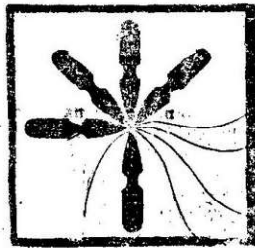
Tôi trở về, lòng đang khóc âm ỉ cho sự ra đi của Ồ. Hẳn còn mẹ già, một mình bà thui thủi nơi căn trại mái Tôle mà chính phủ vừa phát cho. Khi đồng bào trở về. Hồi cư. Sau bao năm chạy loạn.

Tôi và Ồ cùng tâm trạng, hoàn cảnh như nhau. Hồng tú tài và mang mặc cảm chán chường, không chán chường sao được, khi bạn bè: Đưa lên Đà Lạt, đưa vào Thủ Đức, Không quân. Và những đứa em cấp lên Đại Học. Trong lúc đó, hẳn mãi hoài là thăng Ồ «Đệ nhĩ muốn thuôn... Nếu hẳn ở nhà, vì sinh 1952 còn có thể «là lượt» một thời gian nữa; hoặc giả, hẳn xin hoãn dịch về gia cảnh cũng được chán — Vì mẹ hẳn trên 60 tuổi đầu. Nhưng không, hẳn cho thế là nhục nhã, và quyết đi lên đường, hẳn thường nói: «những thăng lên đường vậy là ý thức». Hẳn hành diện lắm khi thốt lên lời đó...

12 giờ 30.

Tôi ngồi vội vào bàn ăn, bữa cơm không có gì sang cả. Cũng chừng đó, chừng đó ngày nào... Tôi cảm thấy đau nhói ở tâm tư, làm thân «dạy kèm điểm cơm» an ở nhà người ta. Tôi buồn vô hạn. Nhưng có điều là để cho bà già ở dưới ấy.

Tôi nuốt vội mấy miếng cơm, rồi đứng dậy... cũng lững thững, ngơ ngơ... Tôi uống nước và tìm bao Salem lẻ mua hồi sáng. À đây rồi. Tôi móc toạt, Ồ, chỉ còn một điều nhúm nhân như khuôn mặt khô



NHẬT KÝ CHUNG

1970

cần, bệnh hoạn của tôi. Điều thuốc cuối cùng của bao lẻ trông thêm lạ, châm lửa, hút một hơi dài thối cảm, và bỗng nhớ mấy câu thơ của Trần hữu Nghiêm, đẹp thật:

Đêm có buồn thì ngồi hút thuốc
thở khói phả như giấc mộng tan

Hoan hô! Trần hữu Nghiêm đã có hai câu thơ thật đẹp.

2 giờ.

Tôi đi ra phố đọc báo, vô thấy tờ «Khởi Hành» tôi lật đặt dở ra xem — đầu tiên là mục trả lời thư tín. Ồi! Đau đớn cho tôi là: (Ngô C. (Huế) Bài không đăng). Thật buồn cho những kẻ trông đợi, những muốn mình góp mặt văn nghệ nhưng bị hất hủi hoài...

Tôi chán thật, như thế này chắc có lẽ mình dở quá chứ gì. Sao tôi tự cho là hay.

Hay là, hay là gì nữa không?!

Xong một ngày, một ngày đã qua như tiếng hát Khánh Ly nơi quán cà phê Bao Vinh một lần về đưa tiễn người đi... Ồi, cuộc đời, cuộc đời đang đầy chết. Tôi từ từ nhắm mắt và quay mặt xuống, thật gần, thật sát không thấy gì nữa kể cả tôi... Δ

15 GIỜ 7-3 QUẢNG NGÃI

NGUYỄN ĐÌNH KỶ 20t

Đến bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy buồn cười cho một cuộc gặp gỡ. Một tái ngộ khôi hài. Tôi gặp lại Trang. Trông nàng vẫn êm dịu những nguyên vẹn ngày nào. Đôi mắt mơ màng vẫn sáng rực ngày thơ, chưa một từ lỗi, chưa một bóng hai tiếng ấy. Thật khôi hài với số tuổi xấp xỉ hai mươi của nàng. Trang tíu tít với những câu hỏi vồn vã làm tôi không nhớ trọn một câu nào. Tôi thì tục tĩu với ngôn ngữ con trai khiến nàng khó chịu. Nội hồn đối bằng quơ hiện lên sống mất. «Anh dạo này khác lạ, thô bạo, cộc cằn và... khó nghe». Tôi cười để nàng hiểu rằng tôi hoàn hỉ chấp nhận câu bình phẩm ấy. Bạn bè bề vắn hành diện, bởi sinh ra và lớn lên được nhào nặn trong một xã hội không một ca tụng. Tôi không hiểu nổi tại sao lúc bấy giờ tôi có đủ thông minh để trả lời. «Bởi vì tuổi trẻ bọn anh không có ngôn từ nào để mở đầu câu nói baw bươm bằng hai tiếng ấy». Trang thì vẫn thờ ơ với buổi chiều. Buổi chiều thật đẹp. Mái tóc sơ sài rối tung trong gió. T. đến và níu lại giùm tôi những đam mê đã mất, những kỷ niệm thật buồn, thật đẹp. Những ưu tư tu quanh co khúc khuỷu chìm sâu vào tìm thức lại chồn chợn hiện về như lời ru khuya ngổ ngang có phải không Trang? Tôi đoán có lẽ Trang buồn. Buồn vì hiểu tôi không có gì cả. Phải, anh chẳng có gì hết. Không ngờ tôi lại thốt ra câu nói quá phủ phàng, không một vuốt ve chiêu chuộng — và hôm nay đối diện với dĩ vãng — những câu thơ của Hân bỗng có ý nghĩa:

Môi xatir đó khô rồi
Tôi lang thang suốt cuộc người thanh xuân
Nhớ em run rẩy mỗi lần
Mắt nai tơ đã xa dần thủy chung...

Bây giờ, nàng một lữ hành. Còn tôi, chỉ là kẻ đứng bên lề đường trông tèo, Nhưng phút giây ấy tôi đâm ra sợ những tia mắt dòm ngó.

Đoàn xe công binh Mỹ — tôi đoán thế — Cao lêu nghêu chờ đây soi chạy về ngã Ba Gia — Họ đang tiến hành tái thiết con đường này bắt đầu từ Sơn Tịnh — Ước gì Võ thành Văn còn sống để hẳn nhìn lại con đường dẫn về quê hương hẳn. Mây — Văn — Cái chết của mây là một vinh hạnh hay một tủi nhục. Tại sao mây giới thiệu Trang với tao. Để rồi mây chết. Trang bỏ đi. Đối với tình yêu hẳn vẫn hoang mang:

«Nghe hương! hoang phố tình ga
Bầu chừ sôi sục nẻo nào rồi thương
Nghe hương! huyền sử khai đường
Bay chừ bia đá trùng dương tóc trời...»

Rồi Văn, rồi Trịnh, rồi Diệp. Tại sao cuộc đời lại chối bỏ tuổi trẻ một cách vô lý vậy. Chả lẽ tuổi trẻ bây giờ không xây dựng được gì? Tôi bỗng ngờ vực với chính mình. Mọi một vào Thủ Đức mình sẽ ra sao? Hay cũng vẫn những nhảm chán như bạn bè. Cấp cho vài chục tên lính đưa đi trấn giữ một tiền đồn heo hút. Hằng ngày vẫn ngồi chờ địch tấn công. Tôi thường tâm sự với bạn bè. Nếu sau này, ra lính Một, sống hai, chết chứ đừng gọi lại cho chữa trường một phần thân thể như Hân. Khoảng đời còn lại không ngoài chiếc xe ba bánh. Có lần trên quãng đường Độc Lập, Đà Nẵng anh đã từ chối không nhận tiền của một sĩ quan Mỹ. Điều mà tất cả đều thân phục. Hân chấp nhận cuộc sống mất mát không một than van...

Chuck. Dù chúng ta chỉ gặp nhau mỗi một lần tại Qui nhơn. Qua sự giới thiệu của P. Hân. Nhưng tao vẫn nhớ mày. Nhớ mày không phải vì bộ râu ngang bướng không phải vì ly nước cam tự tay mày hi hục pha chế tạo, không phải vì gương mặt hốc hác, cặp kính cận tròn xoe xảo trá (Tuy vậy mày vẫn không xác trả chút nào). Tao biết mày là T.N.C.N.Q.T. Mày qua Việt Nam với sứ mạng gì tao không cần biết (Vì mày hiểu xã hội này đâu có cần tao) Nhưng gần hai tiếng đồng hồ rồi. Tao thường mày như thương P. Hân. Chuck, chúng ta đã nói chuyện gì trong lần gặp gỡ đó mày nhớ không? Mày với tao, với Hân huyền thoại. Từ tuổi trẻ VN đến tuổi trẻ dân Hiệp chúng của mày. Từ Bùi Giáng đến Henry Miller...

Mày chỉ qua VN có hai năm. Hết hai năm mày về Mỹ như vậy mày sang với bốn phận và trách nhiệm. Thế thì chẳng có một chút gì nguyện nào. Tao nói vậy được không? Chuck. ▽

07.03.70 VŨNG TÀU

THỤY MIẾN

Khoá 1/70 CBKT được khai giảng. Từ khắp 4 vùng chiến thuật, phân đông là thanh niên, và trẻ tựu tại trung tâm C.Linh. Đến đây vào buổi chiều ngày 06-3, sau một chuyến hành trình dài đi suốt từ Vinh long đến đây, mười mấy người đều mệt mỏi, trong chiếc xe chen chúc nhau do toà hành chánh tỉnh đưa vào. Cơm chiều vừa xong, với món canh cải và cá hộp, chờ đợi lãnh vật dụng thiết cần. Đêm ở đây đen thẫm. Đèn hải đăng trên đỉnh núi quét tia sáng đều đặn trên mặt biển. Sóng vỗ vào ghềnh đá rú giấc ngủ êm say.

Buổi sáng lãnh bánh mì xong bắt đầu đi hút tóc. Nhìn những sợi tóc rơi trên cánh tay sạm đen mới biết rằng mình chuẩn bị cho một cuộc hành trình mới, cam go hơn và đối diện với tất cả sự khổ cực.

Đêm qua, sau phút ngồi tâm niệm, ngồi nghe lời tâm niệm nhưng không nghe rõ dành tự mình tâm niệm. Tâm hồn như lắng lại, chìm sâu dưới cát khô, để đánh dấu một ngày đầy thay đổi mai sau.

Gió hây hây mát. Tiếng sóng như oà vỡ thứ tình yêu mất đáng. Rồi ngày nào đó, khi khóa học mãn, chiếc áo màu đen sẽ được tung vào những miền quê, với nếp sống mộc mạc, bình thường. Màu đen là màu của đất, màu của tóc tuổi trẻ, màu của những tâm hồn đang dần thân trong cuộc chiến. Màu đen là màu của cực mệnh nhưng thành thật. Màu chính của chúng ta Δ

ĐỌC SÁCH

TIẾP THEO TRANG 5

bảy giờ «chỉ còn bao gồm vón vện một mẩu đất trồng cây ăn trái», ở đó mọc lên lần lượt ba ngôi mộ của ông Phú, bà Phú và lão Tự (người nô bộc trung thành của ông Phú). Những kỷ niệm cùng âm ảnh một dĩ vãng ly tán mới thoáng qua như một cơn ác mộng khiến Thụ cảm thấy «Tất cả đều vô ích. Con người bất quá cũng như một con bọ chết sống: dưới bộ lông của một con vật khổng lồ...» Rồi, «có những đêm mưa, chàng bừng thức giấc vì trận gió ào ào đổ tới. Chàng khêu ngọn đèn chong, hướng mắt theo đường song cửa nhìn lên ngôi nhà thừa tự, lo lắng». Ngôi nhà thừa tự đó, dinh cơ của ông bà Phú xưa kia, chàng không dám ở trong đó nữa, vì «bây giờ nó xiêu vẹo — mái ngói quăn xuống bờ tường, hàng kèo cột bị mối mọt ăn rệu và loang lổ những vết chiến tranh». Thụ sống nốt những tháng năm vô vị còn lại ở trong căn nhà sàn dưới bến nước của bà Phú trước kia.

Đó là cả một bức tranh xã hội, chứa đựng những chân dung tâm lý. Những kẻ sống cái thời mạt vận của một gia đình có một dĩ vãng huy hoàng thường lại chỉ là những kẻ bất tài, bất lực và hư đốn. Bất tài bất lực như Tường, Chiêu, hư đốn như ông Phú, Canh, Ngay cả Thụ, sau cùng cũng «Sống cơ ro với cái mặc cảm thất bại của cuộc mưu đồ đại sự». Trong cảnh gia tài đang khánh kiệt, phong độ gia đình sa sút, mọi phần tử cùng sống dưới một mái nhà, mỗi người đều lộ rõ cái chân tướng «nhỏ nhen ích kỷ như sò hến và hoàn toàn vô tích sự», như tác giả đã viết ở trang «Thay Lời Tự». Có Thụ Vũ viết tiếp, một cách thật rõ rệt : « Trong ngôi nhà thừa tự đó, mỗi người là một hòn đảo của thói hư tật xấu và nữ tác giả đặt câu hỏi, một cách tự trả lời bằng chính câu hỏi mình thì : « Co phải con người khi đã mất thăng bằng trong cuộc sống vật chất thường dễ lộ ra rõ rệt hơn bao giờ hết những xấu xa tàn tệ của mình » Và Thụ Vũ cho thấy bằng những mô tả tỉ mỉ chân dung tâm lý của nhân vật chính : họ sống trong mặc cảm. Ông Phú có mặc cảm tự tôn của một viên quan thời Pháp thuộc, khinh bạc, lạnh lùng, dần dần tội lỗi của ông làm nảy ra nơi óc ông cái ý thức sâu xa về sự «bê rạc, tồi tệ, của mình, và ở những trang cuối cuốn truyện, ông sống trong trạng thái tuyệt vọng, mất tự chủ, hết tự tin, rên la như trẻ nít. Đó là hình ảnh rõ rệt nhất của sự sa đoạ tinh thần và vật chất của đại diện giai cấp thống trị hết thời. Bà Phú cũng thế càng ngày bà càng thu mình trong cái vỏ ốc tự phụ, tự cao, coi rẻ mọi người khinh thường cả đến chồng bà nữa, nhưng vẫn ẩn sâu trong tâm hồn bà một mặc cảm thất bại : thất bại về đường con cái và về tình duyên (thất bại trước Ngà là một đứa trẻ gái của bà). Tường thì mặc cảm bất tài, bất lực, tự ti với Ngự khi không đùm bọc được «nàng» nữa, nhất là mặc cảm bất hiếu với mặc cảm phạm tội trước cha và di vì chàng ăn trộm của họ tiền bạc, nữ trang. Chiêu thì mặc cảm nặng nề về sự bất toàn của thân xác bán nam, bán nữ, cái mặc cảm đưa Chiêu đến chỗ làm đom, muốn chinh phục Hoàng — một cách điên cuồng và thâm thương — ghen với

Tịnh, gây cho Tịnh một ngộ nhận, ngộ nhận này dần dần chìm sâu vào mặc cảm ăn bám (ăn bám cậu mợ). Ngự cũng mặc cảm sống nhờ, như Tịnh, đồng thời với tính hoang toàng nàng lần át Tường, sau cùng bỏ rơi Tường để rồi trao thân cho bất cứ người đàn ông nào ở cạnh nàng. Canh vốn bất tài, sống bám cha, lười biếng nhưng lại có mặc cảm tự tôn hư ngụy của bọn con nhà giàu ngồi mát ăn bát vàng mà dám khinh miệt mọi người, lại còn xác xược với cả cha. và nuôi ảo tưởng sẽ làm nổi chuyện lớn : san bằng mọi bất công xã hội, một sản phẩm quái đản của bọn ý lợi ! Riêng Thụ thì mãi sau cùng mới lộ rõ cái mặc cảm thất bại của chàng trước cảnh tan hoang của gia đình. Thụ là sức sống hồn nhiên, tươi vui, tượng trưng cho thái độ lạc quan của giới nhà giàu vô tư lự. Sau cùng, thái độ lạc quan đó lu mờ, tan biến mất, nhường chỗ cho sự bi quan lan rộng. Như thế, họ là những con bệnh sống dật dờ theo ngày tháng và mặt sớm một chiều không thể tránh được cảnh làm nhân của một biến đổi hoàn cảnh, tung họ ra khỏi làn nước ao tù trường giả, vì họ hoàn toàn «bất lực trước sự biến đổi nhân tiền của cảnh ngộ bầu vùi vào nhau mà sống sót», như tác giả đã nêu rõ. Họ bầu vùi vào nhau và toàn thể bọn họ bầu vùi vào một cơ cấu xã hội lỗi thời, đó là cơ cấu áp bức của bọn thống trị, do thực dân và phong kiến kết hợp thành. Họ bám vào tổ chức kinh tế bất công của thời Pháp thuộc, giai cấp của họ không thể chịu đựng nổi những cơn bão tiến hóa của lịch sử trong một giai đoạn xã hội văn minh lột xác, họ chỉ là lớp vảy bám ngoài da xã hội, nên tự nó lớp vảy đó phải bong ra. Sự tan rã của gia đình ông Phú là tan rã nội tại, của cái lớp vảy xã hội này. Chiến tranh chỉ là một cơn gió nhẹ hất bật những mảnh vảy cuối cùng sót lại. Tác giả đã thành công trong sự mô tả cảnh băng hoại này của một giai cấp xã hội theo trình tự tự nhiên của nó. Bức tranh xã hội này lồng lấy những chân dung tâm lý kia, thật là xứng hợp. Tác giả quả thực có dụng ý mô tả hoạt cảnh xã hội đang tan rã đó, với những khuôn mặt «xé chiếu đó, bằng một lối viết thật tỉ mỉ, với những nhận xét thật chí lí. Tác giả giới thiệu mỗi nhân vật một cách kỹ lưỡng, rồi đặt họ đối mặt nhau, làm nảy ra những hoàn cảnh, những biến chuyển khởi từ những giao ngộ đó. Một người tẻ gái khép nép kính sợ chủ, là Ngà đối với ông bà Phú, từ đêm ăn nằm với ông chủ liền thay đổi — những thay đổi thật nhẹ nhàng, nhỏ nhặt, nhưng rõ ràng — thái độ đối với chủ trước mặt người khác, sự «lớn mặt», sự «lên chân» nhiều khi vô ý thức đó là biểu hiệu của niềm bất kính lộ dần tính cách khinh bỉ của giai cấp nghèo hèn bị bóc lột đối với bọn nhà giàu bóc lột đang xuống dốc. Cũng thế, thái độ của tá điền Trần Văn Đức, người chồng hệt của Ngà, anh ta thay đổi thái độ một cách gắt gao đối với ông Phú để thu thóc, năm trước anh ta khúm núm bao nhiêu thì năm sau anh ta phách lối bấy nhiêu ; vì mới được phong trào kháng chiến lấy ruộng của điền chủ phân phát cho anh ta, Đức «trở mặt», dứ dằn, đuổi và hăm dọa ông Phú, ông không còn thu được một hạt thóc nào của anh ta

nữa. Sự thay đổi thái độ trong cùng một ý nghĩ còn được tác giả mô tả tế nhị hơn nữa ở ông Tân cha của Ngà. Ông ta vẫn khúm núm sợ ông Phú nhưng trong lòng tuyệt nhiên không phục người coi rẻ bất chính thức rất oai vệ này. Ông không dám lên tiếng cãi cò, nhưng nhẹ nhàng từ chối lời ƠN PHÚ mời ông lên sống chung, rồi quay quả bỏ ra v ngay trong đêm khuya. Đúng là thái độ của người dân quê Việt Nam trong đạo đức, hiền lành, nhưng không nhu nhược, chỉ phản kháng một cách thần lạng và tiêu cực.

Người ta có thể, theo một cách hiểu, chia cá nhân vật của «Khung Rêu» thành hai phần trong bức tranh toàn diện là tác phẩm. Phần bóng tối gồm những nhân vật đem lại cảnh u ám, âm đạm củ gia đình ông Phú, những nhân vật này đưa tới cảnh ly tán: ông Phú, Canh, Tường, Chiêu, Tịnh Ngự và Hoàng, tất cả cảnh rã rời của gia đình ƠN PHÚ do họ mà có, ở họ mà ra và đổ lên đầu họ. Còn phần ánh sáng gồm những nhân vật cổ gắng duy trì trật tự và bảo vệ nền nếp của gia đình ông Phú bà Phú, Thụ và lão bộc Tự. Phần bóng tối bao phủ nặng nề hơn và phản ánh sáng chỉ là những tia yếu ớt, tự vệ, cố chống đỡ không nổi và sau cùng bị phản ánh sáng xâm chiếm. Bức tranh càng ngày càng tối và đến sau cùng nó trở thành một bức màn đen bức màn phủ trọn khung rêu đó.

Hình như, trong số những nhân vật này, tác giả cố ý tạo ra nhân vật Chiêu bán nam bán nữ, một biểu hiệu của sự tuyệt tự, hình ảnh của sự suy mạt cùng cực. Mong ước sâu xa nhất của bà Phú cũng như của chồng bà — mong ước có một kết quả tinh hoa của mối tình giữa hai người — không thành tựu. Chiêu chỉ là một kẻ vô dụng về duyên. Sự hiện diện của kẻ vô dụng và vô duyên này càng làm tăng thêm nỗi bất hạnh của gia đình, nó vừa là một cái gì một thiếu sót tự bản chất. Chiêu, một hình ảnh gây xót xa thì ít mà gây khó chịu thì nhiều; nhất là khi Chiêu làm đom, đánh phẫn thoa son và động tình khi đứng ngắm Hoàng năm ngũ trư. Một hình ảnh gợi mắt, đó là kết tinh của lý trí (bà Phú) và bản năng (ông Phú), sự kết tinh nhục nhã, sự sa đoạ cụ thể thâm thương nhất của giai cấp trường giả đang trên đà phá sản. Tác giả đã vận dụng một loạt những phẩm từ và hình ảnh rậm rạp, phong phú, để ghi lại một ám ảnh — sự suy sụp bê rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam —, đồng thời để giải tỏa nỗi cho xong. Cả một thực tại xã hội đã được khơi dậy một cách sống động để lại được chôn vùi trong sự sụp đổ của nó. Tác giả diễn tả một cách trung thực, bằng một ngôn ngữ vừa bình dị vừa bóng bẩy những ấn tượng sâu đậm trong trí nhớ của tác giả, với những hình ảnh của một miền quê cổ sơ sâu, có vườn rộng, có sông rạch, có những cánh đồng bạt ngàn lúa chín. Những hình ảnh đó, quen thuộc trong thời thơ ấu của những người 30, 40 tuổi bây giờ, khó tìm lại được trong những tác phẩm văn chương nồng nặc không khí khói bụi của «hàn» phố chúng ta hiện nay. Cả cái khung cảnh bao la vừa tươi mát vừa quạnh hiu đó của một thời kỳ mất, của một thiên nhiên đang lùi vào quên lãng, được phác vẽ bằng những nét duy ẩn — tượng — ngôi bút tác giả, nó đã gợi được về êm đềm từng che giấu những cảnh tang thương nào lòng. Chính cái khung cảnh đồng quê ấy lồng lấy thực trạng tan nát của một gia đình đã tạo được sự thuần nhất đơn giản và đáng yêu cho cuốn truyện «Khung Rêu», một cuốn truyện gây những ấn tượng khó quên nơi tâm trí người đọc, một cuốn truyện như một bức tranh thành công. <

Phát hành thượng tuần tháng 3/70

tạp chí TIẾNG ĐỘNG SỐ 4

Người viết :

gs Trần Văn Tấn — gs Dương Thiệu Tống — gs Phạm Văn Quảng — Lan Sơn Đài — Lê Công Sinh — Mạc Mai Nhân — Nguyễn Cát Đông — Vương Phong Lan — Trình Khắc Chân — Triều Uyên Phương — Trần Thoại Ngọc — Phương Hoa Sứ — Đào Trường Phúc — Nghiêm Tuấn — Nguyễn Phan Duy — Nghiêu Đê — Nguyễn Hải Chí — Trang Thanh Liêm — Vũ Phan Trần — Lê Trung Hoa — Vũ Đức Sao Biển — Đặng Bảo Trâm — Nguyễn Quốc Thái — Phương Đình — Nguyễn Văn Đệ — Phan Thương — Chu Vương Miện...

Các bạn trẻ ghiền cà phê, các học sinh muốn có chỗ ngồi yên lặng buổi sáng, cà lạng hippy muốn có chỗ họp mặt thanh lịch, tất cả nhớ đến :

CÀ PHÊ LY TAO

166 HÒA HƯNG CHÍ HÒA.

Một quán cà phê «gỗ» nhất nước do Ngọc Long và Anh Ngọc chăm sóc.

NHÀ IN **THẾ GIỚI** 225 — 227 PHẠM NGŨ LÃO

<https://tieulun.hopto.org>

nguyên đức phổ

BÀI CA TRONG BUỔI SỚM MAI

đêm qua như chuyện tình cờ,
người xuôi con nước đến bờ tịch liêu.
đã hoài đi quanh về hui,
thăm thay con nước một chiều cuối đông!

đêm qua biển chảy về sông,
năm nghe tóc rụng mộng lung là buồn.
một lời lỡ đã hàm oan,
sẩy tay hồng cả trăm ngàn ước mơ.

đêm qua trăng vội vào thơ,
năm nghe gió vỗ lưng lơ trên đầu.
lòng buồn chẳng biết về đâu,
trong đêm tình ái cho nhau cuộc đời!

đêm qua sao rụng trên trời,
nhỏ tay ta nhặt cuộc đời của ai.
bảy giờ thì cả tương lai,
trong đời mắt ấy bạn mai cũng buồn.

nguyên tùng

PHẬN NGƯỜI

1.—
một tấm thân này
mẹ nuôi con
đêm đêm đốt lửa chong đèn
môi nặng tình thơ
tiếng cười tiếng khóc sớm trưa

một tấm thân này
mẹ nuôi con
sương pha sợi tóc voi đây
con ngủ tình mây
cây ngàn lá nội nồng say

2.—
một sớm xa rừng
như con chim non một sớm xa rừng
tay mẹ sầu bụng
đèn khêu tìm nhớ
manh chiếu bơ vơ
con ơi giấc ngủ ở thờ
không cửa không nhà
mưa nhẹ bờ xa
ra đi tiếng thờ nhạt nhòa
ôi tấm thân buồn
ra đi nhớ cội nhớ nguồn
mưa đỏ đầm tuông
mưa về mưa đỏ đầm tuông...

3.—
lạnh lắm đêm này
mẹ ơi mẹ ơi lạnh lắm đêm này
tay mẹ đau rồi
thương bát cơm khoai
thương màu lúa chín

một tấm thân này
hôm nay bơ vơ với máu xương mình
chẳng nọ áo cơm
chẳng màng gươm giáo
ta vẫn ra đi vẫn phải anh hùng
ôi những anh hùng
hiên ngang tay cờ hiên ngang tay súng
mẹ ơi mẹ ơi
đêm nay anh hùng nhớ thuở năm nơi

4.—
con vẫn chưa về
mẹ ơi đêm nay con vẫn chưa về
mưa gió lẻ thê
cười như tiếng khóc

tưởng du

ĐA XƯA

ta nhìn chân núi đỏ
rừng khô trên dốc cao
Hạ tàn thung lũng cũ
ngày chờ mộng qua đèo

chim bỏ dòng sông trắng
cành cây buồn đá xưa
trên cát vàng rất nắng
lời ca chợt đỏ mưa

lá trời in vách núi
bụi mù che lối quen
vết xe mòn đất vỡ
ta nhớ người đã quên

mây vàng tên tuổi cũ
tay đốt khói chiều xanh
đá dựng trời mà khóc
còn ta giữa trăm năm.



ngy hữu

THOẠI KỊCH

có mùa xuân việt nam
chưa tàn con chinh chiến
một người mẹ già vàng
sanh con ngày lửa loạn

có một đứa con trai
hai mươi xin nhập cuộc
ôm súng tìm tương lai
lệ không còn dễ khóc
có một vùng đất thổ
chàng đến buổi hành quân
và chung thân ở đó
khi nhận xong chỗ nằm

có một nàng con gái
từ miền xa đến tìm
bước đi sâu lớn mãi
rời biến thành loài chim

có tiểu đoàn lính trận
đi hành ngang rừng sim
thấy giữa trời hoang vắng
in nghìn dấu chân chim

có một ngày thanh bình
từng đoàn người hái lộc
nghe tiếng ca binh minh
bên mồ người đã chết

có một mùa xuân mới
một người da vàng
trông chờ con một môi
chết trên nước việt-nam

có một loài chim nhỏ
bay về chít khăn tang
gục đầu sau năm mộ
ngập xác hoa mai vàng.

trần tịnh yên

ĐÌNH NINH

nắng vàng xưa bỗng bàng hoàng
đêm mộng dữ thấy bay ngàn cánh dơi
mồn theo bóng tháp hồn rơi
trong trăng nguyên thủy thấy ngời đáng sợ
vi vu chiều ngựa dừng cương
mắt trông theo lệ như vương chiến bào

ĐỢI CHỜ

đời tôi tượng đá chờ người
muru thâm vật áo mực lời âm hao
sương lâm ngõ cũng chìm bao
yêu em mộng đã bay vào vô ngôn
đêm vui hóa thạch trong hồn

thượng thuật

SỢI CHỈ THIÊNG LIÊNG

còn lại trong tôi nổi hốt hoảng không cùng
khi bông đũa cháu trên tay nựng nịu
biết bao giờ tôi có một đứa con
hy vọng của Cuộc Đời

một lần sờ cảm
trăm lần sờ cảm
những sợi râu chồi đầu như gai nhọn
đời đầu mới hôm qua
sao bảy giờ hồi hận

ngày trở lại nhà
gặp lại mẹ cha tóc trở hoa râm
muốn khóc
gặp lại những đứa em
gượng cười
gặp lại những đứa học trò mới lớn đẹp xinh
chợt thấy mình già

đẹp dựng giấc mơ tình
nỗi nhớ mong mênh
tôi hỏi tôi đáng thương
tình đầu mà nhớ

trong những ngày lang thang ngoài phố một mình
tôi nghĩ đến thật nhiều một người vợ trẻ
ngoan hiền

như ngôi nhà cô độc trên triền núi
nhộn nhịp buổi liên hoan
như mỗi chúng ta có một niềm sung sướng
chỉ hưởng riêng mình

con ngộ nhỏ dẫn mình ra lối ruộng
như dòng sông dẫn ra biển bao la
như tình mình sẽ lớn
có phải trong những lần đi đám hỏi
đề ý nhau từ cử chỉ mến thương
có phải trong những lần đi đám cưới
là tiếp theo những đám cưới sau này

tình yêu thoát theo lư tục lệ
khi chúng mình tới tuổi lớn khôn

nếu tôi có đứa con
bà nội nó sẽ bông bế nâng niu
tôi sẽ nói với em
con là sợi chỉ thiêng liêng ràng buộc chúng mình

thoại nguyên

TRONG KHÔI LÁ

Khi những phiên mây xám giăng đầy khung
trời buồn

Những xôn xao bắt đầu im vắng
Trong nỗi nhớ hoang vu em gọi thăm tên anh
yêu dấu

Thấy chúng mình thực sự lạ nhau
Buổi chiều một mình

Nhìn khói lá bay đi nghìn nơi hiu hắt

Em chợt hiểu cuộc tình nào cũng đều chung
nghĩa mong manh

Bởi mỗi chúng ta thường mang thật nhiều
ảo tưởng

Nhưng điều cuối cùng vẫn là sự vỡ tan

Trên đỉnh trời cao niềm ước mơ hoang đường
đã hết

Ngày cũng vào quên lãng

Khuôn mặt anh

dấu vết mờ hồ trong trí nhớ em tàn lụn

Xin thấp sáng lên khi kỷ niệm chưa bắt đầu
bay bổng

Chúng mình chưa quay mặt đi

Mỗi người buồn âm thầm qua những con
đường lạ

Đề mai kia nếu có tình cờ

Một thoáng nhớ về hồn vẫn còn diu dàng

NHA BUÔN
TƯỜNG HƯNG

128, Bến Ninh Kiều PHONG DINH

MÀM MÁM XAY LỬA
NGUYỄN PHONG

Quận Cái Răng PHONG DINH

ĐẠI HƯNG CHÀNH

6/5, Lê văn Duyệt CẦN THƠ

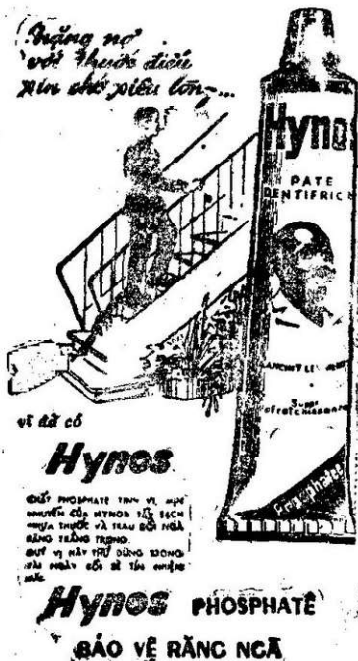
NHA THUỐC
LỢI ĐẠT

44, Bến Ninh Kiều PHONG DINH

NHA BUÔN
KHA HIỆP ÍCH

4/6, Nguyễn thái Học CẦN THƠ

*"Hãy nhớ
với thuốc diệt
xin cho yên lòng..."*



Hynos
DATE DENTIFRIC
LAVANT LI.
POUR LA BUCCHE

Hynos PHOSPHATÉ
BẢO VỆ RĂNG NGÀ

viết đã có

QUỐC PHOSPHATÉ TRUYỀN THỐNG
HUYỀN CỔ, HYNOS LƯU BÍCH
MÀU THUỐC VÀ TRAU ĐỎ NGÀ
BẢO TRƯỞNG TRONG
BỘT HỖ HAY TRỘU ĐÚNG TRONG
MÀU MÀU CỎI SẮT TẠM NHƯNG

TIẾP THEO TRANG 2

quên là Bà Bùi thị Xuân. Chồng xông pha chốn tên đạn Bà cũng ngang dọc nơi chiến trường. Khi thể dũng mãnh, Bà đã làm cho quân của Nguyễn Vương hoảng sợ. Đến cuối cùng, với con thơ, Bà đã chết một cách đau đớn nhưng oanh liệt về ngăn trước sự trả thù dã man của Họ Nguyễn. Rồi Cô Giang, Cô Bắc, những bậc liệt nữ trong phong trào Cách Mạng chống Pháp; rồi một cô Đỗ thị Tâm đã nuốt dần chiếc dải yếm nhận lấy cái chết oanh liệt để khỏi tiết lộ cơ mưu và khỏi bị nhục với Pháp. Hình ảnh hào hùng đó, tấm gương bi tráng oanh liệt đó, muôn đời không nhòa trong quá trình chống giặc Tàu, giặc Tây của dân Việt chúng ta.

Xét xong về phương diện trị nước an dân, mưu đồ hạnh phúc cho giống nòi, chúng ta bước sang lãnh vực rộng rãi hơn; đó là việc phụng sự cho nhân loại, cho sự sinh tồn của toàn thể giới. Trong phạm vi khoa học, nếu đã có những Newton, Edison, Einstein, thì cũng có một Marie-Curie mà gương hy sinh đã lung lay. Bà Marie-Curie đã cùng chồng làm việc trong hàng chục năm, để cuối cùng tìm được chất Radium, một chất rất độc nhưng lại rất ích lợi cho Y-Học.

Khi chồng mất, Bà đã làm việc tiếp tục, hít thở những khí độc từ chất Radium này và đã từ trần trong sự thương tiếc của toàn thể nhân loại. Ngoài ra, trong những phòng thí nghiệm ngày nay đã có nhiều nữ chuyên viên. Họ cũng nghiên cứu, cũng tìm tòi và đôi khi họ tỏ ra vượt hẳn nam giới nhờ ở đức tính kiên nhẫn và tỉ mỉ sẵn có của mình.

Xét về địa hạt xã hội, chúng ta nhận thấy công việc thật là trọng đại. Xã hội có ảnh hưởng rất nhiều đối với đời sống cá nhân. Phụ nữ ngày nay đã tham gia hăng hái vào công việc xã hội cải tạo nhân sinh. Gương sáng của bà Helen Keller người Mỹ, đã gây nên sự xúc động lớn lao cho chúng ta: Một phụ nữ bị mù, câm và điếc, từ thuở nhỏ mà đã giúp đỡ nhiệt thành cho những người đồng cảnh ngộ để sống một đời sống bình thường; thật hiếm có ở cõi đời này. Có thể nói họ là những người sinh ra để phụng sự cho nhân loại, cho sự tương thân tương ái giữa người và người. Ở nước ta cũng có rất nhiều những Helen Keller. Đó là những Di Phước, sống một cuộc đời lặng lẽ ở những trại cùi; đó là những nữ cô nguyện dâng đời cho sự sống vui của các trẻ nhỏ trong cô nhi viện; là những cô giáo sống ở thôn quê hẻo lánh vui với bọn học trò thơ dại, ngày đêm bị bom đạn đe dọa; là những nữ y tá xông pha ngoài chiến trận để cứu chữa những

giải nhất

thương binh... kẻ làm sao cho hết những người phụ nữ giàu lòng bác ái đó; họ đã quên hẳn đời sống gia đình, hạnh phúc riêng tư để hòa mình vào cuộc sống của tha nhân, vui buồn với đồng loại.

— Trên bình diện quân sự, mấy ai không biết đến đoàn phụ nữ binh Do Thái, thật kiêu hùng, chứng tỏ cho thế giới thấy sự kiên quyết của phụ nữ giới nước họ. Trong hiện tình đất nước Việt Nam chúng ta cũng có những tổ chức nhân dân tự vệ, mà chỉ em bạn gái cũng đã hăng hái tham gia rất đông. Tinh thần tự giác của chị em đã được nhận thấy rất rõ tại cố đô Huế nơi mà biển cổ Mậu Thân đã tàn phá tan hoang. Ở đó, trong những đoàn ngũ nhân dân tự vệ, chị em nữ giới đã tỏ ra hăng hái, kỷ luật và anh dũng. Họ sẵn sàng đánh giặc như nam giới, sẵn sàng làm bất cứ cái gì để bảo vệ xóm làng. Tinh thần đó không ai là không cảm phục.

Từ chính trị đến xã hội — khoa học quân sự người phụ nữ trên thế giới nói chung, người phụ nữ Việt Nam nói riêng đã tỏ ra không kém gì nam giới. Ngược lại, nam giới lại cũng có tài đảm đương công việc của đàn bà. Như thế, dù là công việc nào, đối nội hay đối ngoại, văn hay võ... nam hay nữ cũng đều làm được như nhau. Thế nhưng tại sao quan niệm «Gái thì giữ việc trong nhà» vẫn mãi mãi tồn tại, không những thế lại ăn sâu vào đầu óc dân ta xưa nay như vậy? Chúng ta sẽ tìm hiểu nguồn gốc của sự phát sinh quan niệm này, bằng cách dựa vào phong tục tập quán của dân tộc chúng ta, và sau đó phê bình quan niệm ấy.

Sự giáo dục theo Nho giáo kéo dài trên mấy ngàn năm ở nước ta mãi đến khi trào lưu tư tưởng Tây Phương tràn vào mới bị phá. Trong nhà, ngoài đường, nhất nhất đều theo khuôn phép của Khổng Mạnh. Người đàn bà Việt Nam, do đó chịu ảnh hưởng sự giáo dục nghiêm khắc này, luôn luôn theo đúng nề nếp của gia đình.

Khi còn ở với cha mẹ, người con gái phải hết lòng thờ kính cha mẹ, giữ gìn ý tứ và trao đổi đức hạnh. Ca dao Việt Nam có câu:

TÌM ĐỌC

BẢO LOẠN

CỦA HỮU NHƠN

TẬP TRUYỆN VIẾT VỀ TÌNH
YÊU VÀ CHIẾN TRANH.

NHA BUÔN

THIÊN SANH

39, Nguyễn an Ninh

CẦN THƠ

ĐÃ PHÁT HÀNH

MÔI HỒNG

TRUYỆN DÀI CỦA CÂY BUT ĐỀ THƯƠNG:
VÕ HÀ ANH DO THIÊN TỬ XUẤT BẢN

GIÁ : 200. đ

— ĐẾN ĐẤT THẦN KINH TẠI NGANG ĐÀ-NẰNG

— QUÝ KHÁCH KHÔNG THỀ NÀO QUÊN ĐƯỢC

MÈ XỪNG SONG HỖ

(MỘT QUÀ BIỂU VÔ CÙNG THANH LỊCH KHI TRỞ VỀ)

SẢN XUẤT TẠI:
136, Phan bội Chân

<https://tieuuonhopto.org>

cuộc thi văn chương phụ nữ năm 1970

*"Con gái chưa nói đã cười,
chưa đi đã chạy là người vô duyên"*

Đề nhắc nhở người con gái phải hết sức thận trọng trong cử chỉ, lời nói. Người con gái không hề biết đến sự việc gì xảy ra bên ngoài đời sống gia đình. Họ chỉ việc lo may vá, khâu vá, nấu nướng. Công Dung, Ngôn Hạnh là tôn chỉ của họ. Một người con gái không đầy đủ tứ đức như thế sẽ bị chê bai.

Đến một lứa tuổi nào đó, người con gái sẽ xuất giá, có khi họ không biết mặt kẻ chung thân. Thế nhưng dầu ghét hay thương, khi đã thành người vợ rồi thì người đàn bà phải hết lòng với bốn phận:

*"Có con thì khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng"*

"Phải gánh giang sơn nhà chồng"! Thật là nặng nề, nếu chúng ta đem so sánh với sự gánh vác giang sơn thật sự của nam giới, thì chắc chúng ta không thể nào nặng hơn.

Người đàn bà phải nuôi con hết sức khổ cực:

*"Giò mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy thức đủ năm canh"*

Chúng ta có thể tìm thấy hình ảnh nhân nại hy sinh đó qua hình ảnh của Bà Trần Thế Xương:

*"Quanh năm buôn bán ở ven sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng;
Eo xèo mặt nước buổi đò đông"*

Chịu khổ nhọc, chịu vất vả, có khi người đàn bà còn chịu sự dấn vật của mẹ chồng, em chồng và họ hàng nhà chồng nữa. Nhưng bù lại, họ được nghe những lời ca tụng của con cái họ, của người đời:

*"Lên non mới biết non cao,
Có con mới biết công lao mẹ hiền"*

hay:

*"Mẹ già như chuối ba hương;
Như xôi nếp một, như đường mía l n"*

Một đời đàn bà chỉ biết tận tụy hy sinh cho chồng, cho con như thế, cho nên:

*"Vắng đàn ông quanh nhà,
Vắng đàn bà quanh bếp"*

Chúng ta thử tưởng tượng nếu trong gia đình thiếu hẳn bàn tay người mẹ thì sẽ ra sao? Hẳn là hạnh phúc không trọn vẹn như trong một gia đình có sự bảo bọc thương yêu của người phụ nữ. Nếp sống này đã ăn sâu vào tâm hồn người Việt Nam từ muôn đời, và đã thể hiện qua ca dao, tục ngữ

là thứ văn chương bình dân, trình bày một cách trực thực đời sống dân tộc:

*"Gái thì giữ việc trong nhà,
Khi vào canh cửa, khi ra thêu thùa"*

Đề tìm một giá trị đúng mức cho quan niệm "gái thì giữ việc trong nhà". Chúng ta hãy cùng nhau phân tích những ưu khuyết điểm của quan niệm trên hầu ứng dụng thế nào cho thích hợp với cuộc sống hiện tại và để khởi mai một tài năng của mình?

Quan niệm người phụ nữ chỉ biết việc trong nhà, đối với chúng ta ngày nay, đã trở thành quá thiên cận và khe khắt. Bởi lẽ, qua những thí dụ đã kể trên, không ai phủ nhận được tài năng của người phụ nữ trong mọi địa hạt: chính trị, quân sự, xã hội, khoa học... ngoài ra người phụ nữ cũng có thể giúp đỡ khích lệ nam giới làm những công việc nặng nhọc khó khăn. Nhà bác học Alfred Nobel, đã hằng hải lo cho nền hòa bình của nhân loại, trong công tác chế tạo ra chất nổ mìn, nhưng đồng thời đó cũng là nhờ ở sự cộng tác, nhờ ở tài thuyết phục của bà nam tước Suttner. Vậy há chẳng phải "nhị nữ tạo anh hùng" hay sao? Công việc nào cũng thế nếu trai gái cùng chung sức để thi hành thì sự thành công sẽ dễ dàng thu đạt hơn.

Quan niệm gò bó người phụ nữ trong gia đình đã khiến người đàn bà không dám mơ ước cao xa, không dám nghĩ đến việc bên ngoài, sự vượt ra khuôn khổ, lễ giáo. Như thế người phụ nữ sẽ bị mai một tài năng sẵn có và sẽ sống cuộc đời âm thầm như con ốc sống trong cái vỏ của mình.

Quan niệm "Gái thì giữ việc trong nhà" tuy ngày nay không còn hợp thời nữa, hay đúng hơn không còn là khuôn khổ bắt buộc người đàn bà phải theo, nhưng không ai có thể phủ nhận được giá trị luân lý và đạo đức sâu xa của nó.

Người phụ nữ nếu bác bỏ quan niệm này, để chỉ lo việc bên ngoài mà không hề biết đến việc nhà thì thật tai hại. Chúng ta biết rằng người phụ nữ được sinh ra đã có sẵn tài năng nội trợ. Sự khéo léo dịu dàng cùng đức tính chịu thương, chịu khó của người phụ nữ, không một người đàn ông nào có thể vượt qua. Cho dù có, thì đây cũng là do sự luyện tập mà thôi, còn phần đông Nam giới không có được tài năng bẩm sinh đó. Người đàn bà được trời phú cho nhiều đức tính: nhân nại, hy sinh, chịu cực khổ mà không hề than van. Đức tính này, chúng ta nhận thấy dễ dàng ở người phụ nữ Việt Nam. Phụ nữ Việt Nam có thể gọi là chậm tiến hơn những phụ nữ ở các nước khác — Điều đáng buồn

này không ai có thể phủ nhận — Nhưng phụ nữ Việt Nam có những đức tính mà phụ nữ nước khác không có hoặc khó tìm thấy. Lòng hy sinh, tính nhân nại của phụ nữ Việt Nam đáng là bài học cho mọi người. Như thế, làm sao người phụ nữ có thể chối bỏ nhiệm vụ thiêng liêng của mình, đó là thiêng chức của bậc nội trợ? Trong gia đình, người đàn bà sẽ là bóng mát cho con cái nương dựa; là dòng suối làm dịu lòng người chồng; là khi trời cần thiết nếu người mẹ không để ý săn sóc con, chúng sẽ dễ hư hỏng, và vô tình, người phụ nữ đã tạo cho Xã Hội những mầm mống bất mãn, xấu xa nổi loạn.

Chúng ta phải công nhận rằng: Nam giới được sinh ra đã có bản chất vững mạnh, đã có khuynh hướng hoạt động. Nhưng nếu để cho người đàn ông phải gánh vác việc trong nhà thay cho người phụ nữ và trong khi đó người đàn bà với đầy đủ đức tính khéo léo, dịu dàng lại bỏ quên phận sự nội trợ của mình thì thật là điều trái với lẽ tự nhiên. Và lại, chúng ta hiếm thấy những bậc nữ nhi lo cho dân nước thật sự; mà thông thường thì những người phụ nữ bỏ quyền hành trong tay lại có khuynh hướng vị lợi, độc tài. Nào ai quên được những Từ Hi Thái Hậu của Trung Hoa, Ý Làn thì phi, Tuyên Từ Thái Hậu, Đặng thị Huệ... của Việt Nam. Những người đàn bà này đã làm cho Quốc Gia suy vong, loạn lạc, chỉ vì tính ích kỷ, tham lam của họ. Tìm thấy một Trưng Vương, Một Triệu Âu... thật khó khăn vậy.

Tóm lại, chúng ta thấy rằng: nam giới có thể làm việc của nữ giới và ngược lại, nữ giới cũng có tài trong lãnh vực quân sự, chính trị, của nam giới, nhưng không vì thế, người phụ nữ xao lãng vai trò trọng yếu của mình trong gia đình. Không ai có thể thay thế bàn tay huyền diệu của người phụ nữ để đảm đương mọi việc trong nhà. Do đó quan niệm "Gái thì giữ việc trong nhà" thật sự vẫn còn phần nào giá trị.

Người phụ nữ chúng ta không thể quên rằng mình là bóng râm chờ che cho đoàn con, là nguồn vui tươi mát của gia đình, đó chính là thiên chức cao quý làm vợ, làm mẹ của chúng ta vậy. Nền tảng của Xã Hội chính là gia đình. Người phụ nữ phải cố gắng bảo vệ cho thành trì gia đình đó vững mạnh, để có thể xây dựng quốc gia, cải tạo Xã hội. Chính lúc giáo dục, chăm nom con cái, lo lắng việc trong nhà là lúc chúng ta đã giúp ích cho Xã Hội nhiều nhất. Công việc gia đình và Xã Hội phải đi đôi với nhau. Người phụ nữ nếu lo toàn được như thế sẽ không hổ danh là con cháu của Trưng Vương, Triệu Trinh Nương vậy. Δ

LƯU THANH

THƯƠNG GIA MẸ CỐC

146/14, Võ Tánh

PHONG-DINH

NHÀ BUỒN

VĨNH LỢI

BUỒN BÀN THỰC PHẨM VÀ TẠP HÓA

PHONG-DINH

NHÀ BUỒN

DŨ ĐỨC CHÀNH

52, Nguyễn an Ninh

PHONG-DINH

Ô. NGUYỄN VĂN VÂN

ĐẠI DIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

70, Minh mạng

PHONG-DINH

GIỮA tòa soạn VÀ bạn đọc

BÙI NGHI TRANG (Gò Công).— Chưa cần phải viết tiếp. Đợi chờ cho ít số nữa. Viết thì viết thôi chứ cũng chẳng nản bị quan.

TỶCH NGUYỄN, (ĐN).— Sao lại viết hai mặt giấy? Viết 2 mặt giấy không xài được.

Ô. VẮNG TẤN SĨ (Châu Đốc).— Ty trị sự đã gửi ông 5 số KH ông hỏi mua, có lẽ báo chưa tới đó mà thôi. Hy vọng khi có tin này ông cũng đã có báo.

TIẾT TÂM LINH (VT).— Đã nhận được bài. Không rõ địa chỉ Phạm Kiều Tùng cứ gửi về KH, sẽ chuyển hộ.

NHUỘC THU (PT).— Phải tiếp tục gửi xem sao. Tờ báo đó chưa ra lúc này.

PHẠM THÁI NGUYỄN (Sg).— Cảm ơn ý kiến xây dựng của bạn. Những ý kiến đó rất đúng.

GIA DU (GD).— Thường thường đó là tùy theo lá thư đi. Muốn tránh chữ ông, bạn cũng dùng chữ ông là xong. Thư đã nhận được.

THY HOÀI NHÂN.— Thôi, dịch thơ Đường làm gì.

HỒNG VÂN.— Sẽ chuyển trong tuần này lá thư của cô Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa. Nếu Nghĩa không tới tòa soạn, chúng tôi sẽ mang tới cho anh.

VÕ NHÀ.— Không hiểu sao hôm nay mới nhận được lá thư đề ngày 29-11-69 của bạn. Tuy nhiên cũng trả lời:

1) không có ý kiến về sự lập thị văn đoàn

2) Không biết Văn nghệ có kỳ thị chi không

3) Nhà văn Túy Hồng là nhà văn Túy Hồng, kịch sĩ Túy Hồng là kịch sĩ Túy Hồng, tên thì giống nhau như bạn nói, song người không giống nhau.

4) Nhà văn Nhật Tiến rất bận công việc, vừa viết văn vừa đi dạy. Có thể anh Nhật Tiến sắp viết truyện dài cho KH.

DƯƠNG THOẠI HIỀN (Ba Xuyên).— Không trả lại bản thảo cho bạn đọc được vì bạn không gửi kèm tem.

ĐÍNH CHÍNH

Trong KH 44, bạn HTKN có viết về Đêm Thơ Nhạc *Tinh yêu và Quê hương*, nhưng lại không viết đúng thành phần tổ chức. Thật ra,

Đêm thơ nhạc *Tinh yêu và Quê hương* vào hồi 19h ngày 02-11-69 tại hội quán văn nghệ TRÈ Đà Nẵng do Trần dạ Lữ Trường Thi, Tổng châu Ẩn tổ chức có sự tham dự của nhà thơ Hà nguyên Tuách—Vinh Điện...

MỘT BÀN ĐÓN DỜI TRÊN

KH NHỮNG SỐ TỚI



NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG THÀNH PHỐ CHÚNG TA

LOẠT BÀI CỦA CÁC NHÀ VĂN NHÀ BÁO TÊN TUỔI

NHÂN TIN

TRẦN THUẬT NGŨ và TỐNG CHÂU AN.— Vô cùng chịu lỗi. Phút chót gặp trở ngại đã không thể làm như ý muốn. Duyên ngộ chắc còn. (PTVy).

BÔNG (Qui Nhơn).— Phải cố đến cuối tháng 4 mới được, bảy giờ thì dành vô kể (Vy).

ANH BUI NGỌC (Văn Khoa Sg).— Đồng ý. Mong gặp anh từ giờ tới cuối tuần, từ 11 giờ tới 12 giờ 15—mỗi sáng.

LÊ VĂN TRUNG (Quảng Ngãi), ĐẶNG TẤN TỚI (?) Sao biết tầm vậy? (Hoàng Ngọc Châu)

NHẬT KÝ CHUNG

Đã nhận và sẽ đăng, bài vở của các bạn:

La Ngọc Thủy—Hà thị kỳ Nam—Hồ văn Khánh—Lê văn Quý—

Võ Quang T. Mạch thị Năm—Trần Hữu Nghiễm (2) Thương Nhật Huyền—Trần thị Niệm—Lê Tường Dũng—Trần đình Thái—Vũ Hoàng—Ngô Cang—Triển Miên—Hoàng Khánh Chi—Hồ Đăng Hải—Ng Phương Ch—Hồ thị Phương Châu—Mây Hạ.

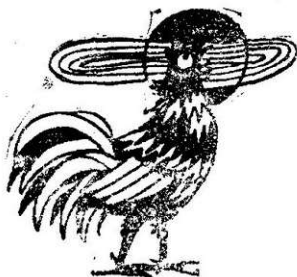
ĐANG ĐỌC

Trần đình Long—Ng sinh Từ—Kim bình Giang—Ng đình Phú—Vũ thế Học—Trần Châu—Trần mặc Vũ—Vũ v Hậu—Cao cứu Cung—Vương phủ Du—Cung Ngã—Lê vinh Ngọc—Đặng dung Cát—Trần đường Hạ—Hoài nhà liên Văn—Lê thị Tư—D3 Đế—Châu thị tiên Nhan—Trần bặt Bút—Tâm đồng Phương.

KHÔNG ĐĂNG

Phạm m Dung—Hoàng H—Thái D—Khue v Trường—Phạm ngọc Th—Thanh X.

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đơn bà

CẦN XEM ẢNH

Ông giám đốc một hãng kỹ nghệ lớn cần mượn một người quản lý để có thể thay ông trông coi công việc hãng khi ông đi vắng xa. Ông muốn viên quản lý phải tinh nhanh, tháo vát trong việc sổ mà lại phải khéo léo về khoa xử thế.

Đề thử tài một ứng viên mới tới xin việc ông đặt câu hỏi như sau:

— Giả thử, một tối nào đó, tôi mời anh tới nhà tôi dùng cơm tối. Nhưng khi tới nơi chỉ có vợ tôi ở nhà, còn tôi mặc bạn bắt ngờ phải đi trước giờ ăn và tới bốn giờ sáng mới về, Trong trường hợp đó thì anh xử trí ra sao?

Ông quản lý tương lai, nhoeén cười trả lời:

— Thưa ông Giám đốc trong trường hợp tệ nhì này ông Giám đốc phải cho tôi xem hình của bà trước đã thì mới quyết định thái độ được.

ĐÁNH CUỘC

Còn một giờ nữa thì bắt đầu trận bóng tròn chung kết, khán giả hăm

mộ đồng nghịch cầu trường. Một thanh niên đứng trước quán nước ba hoa.

— Ai bằng lòng cá, tôi có thể nói trước tỉ số của hai đội banh, 10 phút trước lúc bắt đầu trận đấu.

Nhiều người cười không tin. Thanh niên lại nhắc lại và nói rằng nếu ai bằng lòng đánh cuộc thì chỉ mất cho anh 10\$. Trường hợp anh nói sai anh sẽ thua mỗi người một trăm đồng. Thấy giá biểu đánh quá rẻ, nhiều người bỏ tiền tham dự.

Khi số tiền đã khá, thanh niên đếm cần thận tổng số nhét vào ví, rồi nói:

— Thực tất cả các. Như tôi đã giao ước là tôi có thể nói tỉ số của hai đội banh trước giờ giao đấu 10 phút. Hiện giờ là 2 giờ 50 phút. Đúng ba giờ trận cầu bắt đầu. Như vậy hiện giờ là 10 phút trước giờ giao đấu và tỉ số của hai đội banh là 0-0.

Nói xong người thanh niên lặng lẽ bỏ ví tiền vào túi quần và đi chỗ khác.

THUA EM BÉ

Hai đứa trẻ nói chuyện với nhau:

— Này, má mày vào nhà bảo sanh làm gì thế?

— Má tao bảo vào đó mấy hôm để mua cho một em bé.

— Má mày giàu quá nhỉ. Có tiền mua em bé cho mày. Các em tao thì khỏi phải mua vì ba, má tao làm lấy.

PHÁT MINH

Như người ta biết nhiều Phát minh khoa học trên thế giới bắt đầu tới với trí óc nhà khoa học do một sự tình cờ.

Chẳng hạn nhà bác học nghĩ ra thu lôi cái vì ông thả điều bằng giấy thép bị sét đánh nên nảy ra ý nghĩ thu điện trên trời bằng một cột thép dẫn xuống giếng nước, hay người nghĩ ra máy ảnh chỉ là bắt chước sự cấu tạo con mắt của người.

Trong một hội chợ, khi tới gian hàng bán phéc ma tuya, một phóng viên tò mò phóng vấn người cha để ra lời cái áo tiện lợi này.

— Xin ông vui lòng cho biết lý do nào đã khiến ông phát minh ra phéc ma tuya.

Nhà phát minh đáp:

— Ở gần dị lắm. Tôi nảy ra ý tưởng chế tạo phéc ma tuya sau một buổi tình cờ trông thấy hai con rết đang làm tình.

HỌC TRONG KHI NGỦ

Một giáo sư đi qua một tiệm bán máy ghi âm trông thấy một kiểu máy lạ để bên cạnh một tấm bảng ghi máy

chữ: "Mấy học Anh ngữ trong khi ngủ."

Giáo sư lắc đầu, nói một mình: "Có cái máy dạy học trong khi ngủ mà cũng cho là một phát minh mới lạ phải quảng cáo. Trong lớp học của mình ít nhất cũng có tới 50 phần trăm sinh viên thực hành lối học này mà chẳng cần mấy móc gì cho tốn tiền."

Khởi Hành

TUẦN BÁO HỌC VĂN NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 358/BTTTT. NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ • T. S. V. G. C. N. Đ. T. 25.863.

Chủ Nhiệm, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Fó Biên Tập Thường Xuyên
T. KIỀU NGÂN • L. ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC L. N. HY VĂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN HỮU THÔNG • DƯƠNG TRƯ LA •

Về
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu không có lời yêu cầu.

LỜI KÊU GỌI XUỐNG ĐƯỜNG

Bạn "chìm xuống" khai phóng thiết tha kêu gọi thân hữu toàn quốc hãy tiếp tay với chúng tôi

— chống KIỂM ƯỚC

— chống GIẤY BÁO TĂNG

Bằng cách "xuống đường" mua ngay:

tùy bút mai thảo

- Giá không kiện ước không tăng tiền giấy báo
- Ấn loát công phụ, mỹ thuật
- Khai phóng xuất bản. • Tranh tới nhất của Hồ Thành Đức.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC